

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 211 – Chúa nhật 08.12.2013

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Cổ Võ Việc Phát triển Văn Hóa	Vatican 2
THA THỨ VÀ CỨU ĐỘ	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
CHÂN LÝ TRONG KINH THÁNH	Bình Nhi
CỨ LÀM VIỆC BÁC ÁI LÀ ĐỦ ĐỂ ĐƯỢC CỨU RỒI ?	Lm. PX. Ngô Tôn Huấn
TÔI CÓ MỘT GIẤC MƠ	Đình Quang Bàn
Ý NIỆM « SỐNG LẠI » CỦA CÁC VỊ GIÁO-PHỤ ĐẠO CHÚA GIÊSU TRONG BỐN THỂ KỶ ĐÀU KỶ NGUYỄN	Gs. Trần Văn Toàn
ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN - VỀ GIÁO LÝ VÀ NHÂN ĐỨC CỦA TÔN GIÁO	Lm. Đan Vinh
SỐNG LÀ CHUẨN BỊ CHẾT	Lm. Lê Văn Quảng, Psy.D.
Phật là ai?	Lm. Minh Anh chuyên ngữ
TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC - BƯỚC THỨ HAI: LỜI ĐÁP TRẢ CỦA MỖI NGƯỜI	Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.
THỰC PHẨM "HỮU CƠ"	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, MD.
GIẢI VIẾT VĂN ĐƯỜNG TRƯỜNG 2014 – BẢN TIN 01	Lm. TTT. Võ Tá Khánh

Cổ Võ Việc Phát triển Văn Hóa

Phần Thứ Hai

Một Số Vấn Đề Khẩn Thiết

Chương II

Cổ Võ Việc Phát triển Văn Hóa 65*

53. Nhập đề. Đặc điểm của một nhân vị là chỉ đạt tới nhân tính đích thực và trọn vẹn nhờ văn hóa, nghĩa là nhờ việc trau dồi những ưu phẩm và giá trị của bản tính. Vì vậy, mỗi khi đề cập đến cuộc sống nhân loại, bản tính và văn hóa liên kết với nhau hết sức chặt chẽ.

Theo nghĩa tổng quát, chữ "văn hóa" chỉ tất cả những gì con người dùng để trao dồi và phát triển các năng khiếu đa diện của tâm hồn và thể xác; cố gắng chế ngự cả trái đất bằng trí thức và lao động; làm cho đời sống xã hội, đời sống gia đình cũng như đời sống chính trị trở thành nhân đạo hơn, nhờ sự tiến bộ trong các tập tục và định chế; sau

hết, diễn tả, thông truyền và bảo tồn trong các công trình của mình, những kinh nghiệm tinh thần và hoài bão lớn lao của các thời đại, để giúp cho nhiều người và toàn thể nhân loại tiến bộ hơn.

Vì vậy, văn hóa nhân loại thiết yếu mang tính cách lịch sử và xã hội, và chữ "văn hóa" thường mặc thêm một ý nghĩa xã hội học cũng như dân chủng học. Chính vì ý nghĩa này mà người ta nói đến sự đa tạp của các nền văn hóa. Thực vậy, có nhiều cách xử dụng sự vật, nhiều cách làm việc và diễn tả tư tưởng, nhiều cách phụng tự và tạo nên thuần phong mỹ tục, nhiều cách thiết lập luật lệ và định chế pháp lý, nhiều cách phát triển khoa học, nghệ thuật và trau dồi thẩm mỹ, nên mới phát sinh nhiều cách chung sống và nhiều hình thức hòa hợp các giá trị của cuộc sống. Như thế, từ các định chế lưu truyền, hình thành một di sản riêng cho mỗi cộng đoàn nhân loại. Cũng do cách thức ấy mà hình thành một môi trường lịch sử nhất định của con người, bất cứ dân tộc nào hay thời đại nào, để từ môi trường đó con người rút ra những giá trị hầu thăng tiến nền văn minh nhân loại.

Đoạn 1: Tình Trạng Văn Hóa Trong Thế Giới Ngày Nay ^{66*}

54. Những lối sống mới. Tình trạng sinh sống của con người hiện đại về phương diện xã hội và văn hóa đã biến đổi sâu đậm, khiến con người có thể nói đến một kỷ nguyên mới của lịch sử nhân loại ¹. Từ đó, mở ra những con đường mới để hoàn bị và bành trướng văn hóa rộng rãi hơn. Những con đường này đã được khai phá nhờ sự lớn mạnh của các ngành khoa học thiên nhiên, nhân văn và xã hội, nhờ sự phát triển kỹ thuật cũng như sự tiến bộ trong công cuộc khám phá và khéo léo tổ chức những phương tiện giúp con người liên lạc với nhau. Bởi đó, nền văn hóa hiện đại mang những đặc điểm này: các khoa học mệnh danh là khoa học chính xác phát triển tối đa óc phê bình; những nghiên cứu mới nhất về tâm lý học cắt nghĩa hoạt động của con người sâu xa hơn; các bộ môn sử học góp phần lớn lao giúp con người nhận định sự vật dưới khía cạnh biến đổi và tiến hóa; tập tục và cách sống ngày càng đồng nhất; hiện tượng kỹ nghệ và đô thị hóa cộng với những nguyên nhân khác đang phát huy đời sống tập thể tạo nên những hình thức văn hóa mới (văn hóa đại chúng), từ đó, phát sinh những cách cảm nghĩ, hành động và giải trí mới. Đồng thời, sự phát triển trao đổi giữa các dân tộc và các tập thể khác nhau cũng mở rộng hơn cho mọi người và mỗi người các kho tàng của những hình thức văn hóa khác nhau. Và cứ thế, sẽ dần dần xuất hiện một hình thức văn hóa nhân loại đại đồng hơn, nhờ đó, nếu càng tôn trọng những điểm của các nền văn hóa khác nhau, càng diễn đạt và tiến gần đến sự hiệp nhất nhân loại hơn.

55. Con người, tác giả của văn hóa. Càng ngày càng có nhiều người, nam cũng như nữ, thuộc bất cứ tập thể hay quốc gia nào, ý thức được chính họ và những người xây dựng và sáng tạo văn hóa của cộng đoàn mình. Trên toàn thế giới, ngày càng gia tăng ý thức tự trị cũng như trách nhiệm. Đó là điều rất cần để nhân loại trưởng thành trên bình diện tinh thần và luân lý. Đó là điều sẽ xuất hiện rõ ràng hơn, nếu chúng ta quan tâm đến sự thống nhất thế giới và đến bốn phận chúng ta là phải kiến tạo một thế giới tốt đẹp hơn trong chân lý và công bằng. Do đó, chúng ta là chứng nhân của sự hình thành một nền nhân bản mới trong đó con người được định nghĩa trước hết tùy theo trách nhiệm của mình đối với anh em và đối với lịch sử.

56. Trở ngại và bốn phận. Trong những hoàn cảnh ấy, không còn gì đáng ngạc nhiên nếu con người vì cảm thức được trách nhiệm của mình trong việc phát triển văn hóa, nên nuôi những hoài bão cao xa, đồng thời cũng lo âu nhìn đến muôn ngàn mâu thuẫn trước mắt mình phải giải quyết:

Phải làm gì để sự trao đổi văn hóa phần thịnh kia tạo được sự đối thoại đích thực và kiến hiệu giữa các tập thể và các quốc gia khác nhau mà không xáo trộn cuộc sống của các cộng đoàn, không phá hoại sự khôn ngoan của tiền nhân cũng như không làm tổn thương những đặc tính riêng của các dân tộc? ^{67*}

Phải làm thế nào để phát huy sự truyền bá và sức linh động của nền văn hóa mới, mà không hủy diệt lòng trung thành gắn bó với di sản truyền thống? ^{68*} Đó là vấn đề đặc biệt khẩn cấp khi phải dung hòa văn hóa phát sinh từ sự tiến bộ lớn lao của khoa học và

kỹ thuật với văn hóa được nuôi dưỡng bằng nền học vấn cổ điển theo những truyền thống khác nhau.

Làm sao có thể dung hòa sự phân tán rất nhanh chóng và ngày càng gia tăng của các bộ môn chuyên biệt với nhu cầu tổng hợp các bộ môn ấy và nhu cầu duy trì nơi con người khả năng chiêm ngưỡng và thán phục là những khả năng giúp con người đạt tới sự khôn ngoan?

Phải làm gì để mọi người trên thế giới cùng được hưởng ích lợi của văn hóa trong khi kiến thức của các nhà thông thái luôn cao siêu và phức tạp hơn?

Sau hết, phải làm sao để vừa công nhận sự tự trị mà văn hóa đòi hỏi là chính đáng, vừa không rơi vào một nền nhân bản trần tục thuần túy hoặc đối nghịch với tôn giáo nữa?

Ngày nay, phải phát triển văn hóa nhân loại giữa bấy nhiêu mâu thuẫn, sao cho nhân vị được nẩy nở trọn vẹn, điều hòa đồng thời giúp con người trong những bốn phận mà mọi người đều được kêu gọi để chu toàn, nhất là những Kitô hữu liên kết huynh đệ trong gia đình nhân loại duy nhất. ^{69*}

Đoạn 2: Một Vài Nguyên Tắc Hướng Dẫn Việc Phát Triển Văn Hóa

57. Đức tin và văn hóa. Người Kitô hữu đang hành trình về quê trời phải tìm kiếm và yêu thích những sự trên trời ². Đó là điều chẳng những không bớt mà còn làm tăng bốn phận của họ là góp sức với mọi người kiến tạo một thế giới nhân đạo hơn. Thực ra, mầu nhiệm của đức tin Kitô giáo đã đem đến cho họ nhiều khích lệ và trợ lực quý giá để họ chu toàn bốn phận ấy cách hăng say hơn và nhất là để họ khám phá được ý nghĩa trọn vẹn của công việc họ làm. Nhờ đó, văn hóa nhân loại có được một địa vị cao cả trong ơn gọi toàn diện của con người.

Thực vậy, khi cày cấy với hai bàn tay hoặc với phương tiện kỹ thuật để trái đất nẩy sinh hoa quả và trở thành nơi cư ngụ xứng đáng của toàn thể gia đình nhân loại, và khi tham dự cách ý thức vào tập thể xã hội, con người đã tuân theo ý định của Thiên Chúa được tỏ bày ngay từ thuở đầu là loài người phải chế ngự trái đất ³ và hoàn tất công cuộc tạo dựng, đồng thời con người phát triển được chính bản thân; và cùng khi ấy con người tuân giữ giới răn quan trọng của Chúa Kitô là hiến thân phục vụ anh em.

Hơn nữa, khi chuyên tâm học hỏi các bộ môn triết học, sử học, toán học, vạn vật học và trau dồi nghệ thuật, con người có thể góp phần lớn lao vào công cuộc thăng tiến gia đình nhân loại để đạt tới những giá trị cao cả của chân, thiện, mỹ, và một phán đoán có giá trị phổ quát. Nhờ đó, con người được soi chiếu rạng rỡ hơn, do Đấng Khôn Ngoan kỳ diệu đã có bên Chúa từ thuở đời đời, cùng Chúa an bài mọi sự, nô đùa trên trái đất và vui sướng ở với con cái loài người ⁴.

Cũng nhờ đó mà tâm trí nhân loại bớt nô lệ sự vật và có thể dễ dàng bay bổng để thờ phượng và chiêm ngưỡng Đấng Tạo Hóa. Hơn nữa, con người còn được ân sủng thúc đẩy để nhận ra Ngôi Lời Thiên Chúa, Đấng trước khi nên xác thể để cứu chuộc và kết thân muôn loài nơi Người, đã ở trong thế gian như "anh sáng thật... vốn hằng soi sáng mọi loài dương gian" (Gio 1,9) ⁵.

Vì do phương pháp của chúng, khoa học và kỹ thuật không thể xâm nhập cơ cấu sâu xa của sự vật, nên sự tiến bộ ngày nay của chúng dĩ nhiên có thể đưa đến một thứ chủ thuyết duy hiện tượng và bất khả tri, khi phương pháp khảo sát của những bộ môn này được đánh giá quá cao và được coi như luật tối hậu để khám phá toàn thể chân lý. Cũng nguy hiểm hơn nữa khi con người tin tưởng thái quá vào những phát minh hiện đại đến độ tự mãn và không còn kiếm tìm những giá trị cao hơn ^{70*}.

Tuy nhiên, những hậu quả tai hại ấy không nhất thiết phát sinh từ nền văn hóa hiện đại, và chúng ta không được ý vào đó mà phủ nhận những giá trị tích cực của nền văn hóa này. Trong số những giá trị ấy phải kể đến: lòng yêu chuộng khoa học, thái độ nghiêm chỉnh trung thành với chân lý trong các công trình nghiên cứu khoa học, nhu cầu làm việc tập thể trong các toán chuyên viên, tình liên đới quốc tế, ý thức ngày càng mãnh liệt nơi các nhà thông thái về trách nhiệm phải giúp đỡ và hơn nữa phải bảo vệ

con người, ý muốn đem lại cho mọi người tình trạng sinh sống thuận lợi hơn, nhất là cho những người chịu thiệt thòi vì không được trao trách nhiệm và vì thiếu văn hóa. Tất cả những giá trị này có thể góp phần chuẩn bị cho con người lãnh nhận sứ điệp Phúc Âm. Và công cuộc chuẩn bị này có thể được thấm nhuần nhờ tình yêu thần linh của Đấng đã đến để cứu chuộc thế gian.

58. Liên hệ đa diện giữa Phúc Âm của Chúa Kitô và văn hóa nhân loại. Giữa sứ điệp cứu độ và văn hóa nhân loại có nhiều mối liên hệ. Thực vậy, khi tự mạc khải cùng dân Ngài cho tới khi tỏ mình đầy đủ trong Chúa Con nhập thể, Thiên Chúa đã nói theo văn hóa riêng của từng thời đại.

Cũng vậy, trải qua các thế kỷ sống trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, Giáo Hội đã xử dụng những tài nguyên của các nền văn hóa khác biệt để phổ biến và giải thích cho muôn dân sứ điệp của Chúa Kitô trong khi rao giảng, để tìm tòi và thấu hiểu sâu xa hơn, để diễn tả sứ điệp ấy cách tốt đẹp hơn trong các lễ nghi phụng vụ và trong cuộc sống muôn mặt của cộng đoàn các tín hữu.

Nhưng đồng thời, Giáo Hội không bị ràng buộc cách độc quyền và bất khả phân ly với một chủng tộc hay quốc gia, với một lối sống đặc thù hoặc một tập tục cũ hay mới nào, vì Giáo Hội được sai đến với mọi dân tộc thuộc mọi nơi và mọi thời. Trung thành với truyền thống riêng và đồng thời ý thức sứ mệnh phổ quát của mình, Giáo Hội có thể hòa mình với nhiều hình thức văn hóa khác nhau. Nhờ đó, chính Giáo Hội cũng như các nền văn hóa ấy đều được phong phú hơn ^{71*}.

Phúc Âm của Chúa Kitô không ngừng đổi mới cuộc sống và văn hóa của con người đã sa ngã, chống đối và khử trừ các sai lầm và tai họa phát sinh từ sức quyến rũ thường xuyên của tội lỗi luôn đe dọa. Phúc Âm không ngừng tinh luyện và nâng cao phong hóa các dân tộc. Những đức tính của mọi thời như được Phúc Âm làm cho phong phú từ bên trong, được củng cố, bổ túc và tái tạo trong Chúa Kitô ⁶ nhờ những ân huệ bởi trời. Như thế, trong khi chu toàn bốn phận riêng ⁷, Giáo Hội cũng đồng thời thúc đẩy và góp phần vào công cuộc phát triển văn hóa nhân loại, và nhờ hoạt động của mình, ngay cả trong các nghi lễ phụng vụ, Giáo Hội giáo dục cho con người đạt tới tự do nội tâm.

59. Hợp tác các giá trị trong những hình thức văn hóa nhân loại. Vì những lý do đã trình bày, Giáo Hội nhắc nhở mọi người: văn hóa phải nhằm đạt sự hoàn hảo toàn diện của nhân vị, lợi ích của cộng đoàn và của toàn thể xã hội nhân loại. Do đó, phải tâl luyện tâm hồn làm sao để phát triển khả năng tuân phục, thấu triệt, chiêm ngưỡng, phán đoán riêng tư, lại phải có thể phát huy ý thức tôn giáo, luân lý cũng như xã hội.

Thực vậy, vì trực tiếp phát sinh từ xã hội tính và lý trí của con người nên văn hóa luôn cần được tự do đúng mức để phát triển, cũng như cần có quyền hợp pháp để hành động độc lập theo các nguyên tắc riêng. Do đó, văn hóa có quyền được tôn trọng và được hưởng một quyền bất khả xâm phạm nào đó, dĩ nhiên vẫn phải duy trì quyền lợi cá nhân và cộng đoàn hoặc riêng biệt hoặc phổ quát, trong giới hạn của công ích.

Thánh Công Đồng lập lại những điều Công Đồng Vaticanô thứ nhất đã dạy, và tuyên bố rằng: "Có hai lãnh vực trí thức" khác nhau, lãnh vực đức tin và lãnh vực lý trí; Giáo Hội không cấm "các kỹ thuật và các bộ môn văn hóa nhân loại dùng những nguyên lý và phương pháp riêng trong phạm vi của mình"; do đó, Giáo Hội "nhìn nhận sự tự do chính đáng này", và xác nhận sự tự trị hợp pháp của văn hóa, nhất là các khoa học ⁸.

Tất cả những điều vừa trình bày cũng đòi hỏi cho con người có thể tự do đi tìm chân lý, phát biểu, phổ biến ý kiến mình và được tự do hành nghề tùy sở thích, miễn là tôn trọng công ích và trật tự luân lý; sau hết, những điều ấy cũng đòi cho con người phải được thông tin chính xác về những biến cố xảy ra thuộc đời sống công cộng ⁹.

Bốn phận của công quyền không phải là quy định một hình thức văn hóa nhân loại đặc thù nào, nhưng là tạo những điều kiện và phương tiện thuận lợi để phát triển đời sống văn hóa trong toàn thể dân chúng, cả trong những thành phần thiểu số của quốc gia ¹⁰. Do đó, phải hết sức tránh sao để văn hóa khỏi bị sai lạc mục đích cá biệt của mình và khỏi bị cưỡng ép làm công cụ cho các thế lực chính trị hay kinh tế.

Đoạn 3: Một Vài Bốn Phận Cấp Bách Của Kitô Hữu Đối Với Văn Hóa

60. Phải nhìn nhận và thực thi quyền thụ hưởng văn hóa của mọi người. Vì ngày nay, con người có đủ khả năng giải thoát một phần lớn nhân loại khỏi nạn ngu dốt, nên bốn phận thích đáng nhất của thời đại này, nhất là đối với các Kitô hữu, trong lãnh vực kinh tế cũng như chính trị, trong phạm vi quốc gia cũng như quốc tế, là đem hết nỗ lực để khẳng định những nguyên tắc căn bản bắt buộc mọi người phải thừa nhận và thực thi quyền thụ hưởng thụ văn hóa của mọi người trên thế giới, vì đó là quyền phù hợp với phẩm giá con người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, quốc gia, tôn giáo và giai cấp xã hội. Do đó, phải làm sao cho mỗi người có được một số vốn liếng văn hóa đầy đủ, nhất là văn hóa căn bản, để một số lớn nhân loại không còn mù chữ hay thiếu sáng kiến trách nhiệm mà không thể cộng tác vào lợi ích chung đúng với danh nghĩa con người.

Bởi thế, phải gắng sức làm cho những người có khả năng được theo học các bậc cao đẳng; và nếu có thể được, liệu cho họ đạt được những chức vụ và giữ những vai trò mà họ có thể phục vụ trong xã hội tùy theo sở trường và năng khiếu họ đã thu thập được [11](#). Như thế, mọi người và mọi tầng lớp xã hội thuộc mọi dân tộc đều có thể phát triển trọn vẹn đời sống văn hóa phù hợp với tài năng và truyền thống của mình.

Hơn nữa, cũng cần cổ động cho mọi người ý thức về quyền thụ hưởng văn hóa cùng bốn phận trau luyện bản thân và hỗ trợ người khác. Dĩ nhiên, đôi khi vốn còn có những hoàn cảnh sinh sống và làm việc cản trở các cố gắng phát huy văn hóa và làm cùn nhạt nghị lực của con người; nhưng đặc biệt, đối với nông dân và thợ thuyền, cần phải đem lại cho họ những điều kiện thực hành công việc của họ, để khuyến khích họ hơn là ngăn cản họ trao đổi văn hóa. Nữ giới đã tham gia vào hầu hết mọi ngành sinh hoạt, nên cũng phải liệu cho họ đảm trách toàn vẹn những chức vụ phù hợp với khả năng riêng của họ. Bốn phận của tất cả mọi người là thừa nhận và cố võ sự tham gia đặc biệt và cần thiết của nữ giới trong sinh hoạt văn hóa [72*](#).

61. Giáo dục văn hóa toàn diện cho con người. Ngày nay, tổng hợp được các kiến thức thuộc mọi môn, mọi ngành là một việc khó hơn bao giờ hết. Thực thể, càng ngày các yếu tố cấu tạo văn hóa càng gia tăng và khác biệt, trong khi đó, nơi mỗi người, khả năng thu nhận và tổng hợp các yếu tố ấy lại suy giảm, đến nỗi hình ảnh "con người bách khoa" mờ dần. Tuy nhiên, mỗi người đều còn có bốn phận bảo tồn nhân vị toàn diện của mình, với những giá trị trổi vượt của trí tuệ, ý chí, lương tri và tình huynh đệ. Tất cả những giá trị này đều do Thiên Chúa tạo dựng, được sửa trị và nâng cao một cách kỳ diệu trong Chúa Kitô [73*](#).

Trước tiên, gia đình như một người mẹ và người vú của nền giáo dục này, bởi vì trong gia đình, con cái được tình yêu ấp ủ sẽ khám phá ra các bậc thang giá trị một cách dễ dàng hơn, đồng thời càng lớn, những người trẻ càng như tự nhiên thấm nhuần những khuôn mẫu văn hóa khác biệt sẵn có.

Xã hội ngày nay cũng có những phương tiện thích hợp cho công cuộc giáo dục này. Nhất là nhờ việc phổ biến sách báo càng ngày càng lan rộng và những phương tiện truyền thông văn hóa xã hội mà văn hóa được phổ biến dễ dàng. Thực thể, nhờ giảm bớt phần nào thời giờ làm việc, nhiều người sẽ có dịp để trau dồi văn hóa. Do đó, phải biết dùng thời giờ nhàn rỗi để bổ dưỡng tâm trí và thể xác, như giải trí lành mạnh, học hỏi; du lịch những miền xa lạ sẽ giúp cho trí óc mở mang, và nhờ hiểu biết lẫn nhau con người được thêm phong phú; thể dục và các hoạt động thể thao giúp chúng ta giữ được quân bình trong tâm hồn của mỗi cá nhân cũng như của xã hội, và giúp chúng ta thiết lập được các mối bang giao huynh đệ giữa mọi người không phân biệt giai cấp, quốc gia hay chủng tộc. Vì thế, các Kitô hữu phải cộng tác vào việc đem tinh thần nhân bản và Kitô giáo thấm nhuần các sinh hoạt văn hóa tập thể, là những sinh hoạt đặc biệt của thời đại chúng ta.

Tuy nhiên, những phương tiện trên sẽ không đem lại một nền giáo dục văn hóa toàn diện cho con người nếu đồng thời con người không tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của văn hóa và khoa học đối với con người.

62. Phôi hợp văn hóa nhân loại với Kitô giáo. Mặc dù Giáo Hội đã đóng góp nhiều vào sự phát triển văn hóa, tuy nhiên kinh nghiệm cho thấy, vì những lý do nhất thời mà sự phôi hợp giữa văn hóa và Kitô giáo không phải lúc nào cũng diễn tiến mà không gặp trở ngại.

Những trở ngại này không nhất thiết làm tổn thương đời sống đức tin, trái lại, còn có thể thúc đẩy lý trí tìm hiểu đức tin một cách chính xác và sâu rộng hơn. Thực thể, những cuộc nghiên cứu và những phát sinh gần đây của khoa học cũng như của sử học và triết học khơi lên những vấn đề mới liên hệ đến chính cuộc sống. Chúng đòi hỏi các nhà thần học vẫn phải tìm tòi những nghiên cứu mới nữa. Do đó, khi trung thành với những phương pháp và đòi hỏi riêng biệt của khoa thần học, các nhà thần học được mời gọi luôn tìm kiếm một phương thức thích ứng hơn để truyền thông giáo lý cho người đương thời: vì một đằng là kho tàng đức tin các chân lý, một đằng là phương thức diễn đạt kho tàng đó miễn sao giữ vững đúng ý nghĩa và nội dung ¹². Trong phạm vi mục vụ, phải thấu triệt và áp dụng không những các nguyên tắc thần học, nhưng cả những phát minh của các khoa học "đời", nhất là khoa tâm lý và xã hội học. Như thế, các tín hữu cũng sẽ nuôi dưỡng được một đời sống đức tin tinh ròng và trưởng thành hơn.

Văn chương và nghệ thuật cũng theo thể cách riêng mà giữ một vai trò quan trọng trong đời sống Giáo Hội. Thực thể, văn chương và nghệ thuật tìm cách diễn tả đặc tính riêng của con người cũng như các vấn đề và kinh nghiệm của con người trong nỗ lực nhận biết và hoàn thiện chính mình cũng như cả thế giới; văn chương và nghệ thuật cũng cố gắng khám phá vị trí của con người trong lịch sử và vũ trụ, phơi bày những đau khổ và vui mừng, những nhu cầu và nghị lực của con người, lại cố gắng phác họa một vận hội khả quan hơn cho con người. Như thế, văn chương và nghệ thuật có thể nâng cao đời sống nhân loại, được diễn tả dưới nhiều hình thức, tùy từng thời và từng miền khác nhau.

Vậy nên, cần phải làm sao để các văn nghệ sĩ cảm thấy rằng Giáo Hội đang lưu tâm đến hoạt động của họ và một khi được hưởng tự do đúng mức, họ có thể trao đổi với cộng đoàn Kitô hữu dễ dàng hơn. Giáo Hội cũng phải công nhận những hình thức nghệ thuật mới, thích hợp với thời đại chúng ta, tùy theo bản chất của từng dân tộc, từng địa phương. Cũng nên đem vào nơi phương tự những hình thức mới này, một khi với lối diễn tả thích nghi và phù hợp với phụng vụ, chúng giúp con người nâng tâm hồn lên cùng Thiên Chúa ¹³.

Như thế, danh Chúa được biểu dương, việc rao giảng Phúc Âm trở thành dễ hiểu hơn, và như hàm chứa sẵn trong cảnh sống của con người.

Bởi vậy, các tín hữu phải sống liên kết hết sức chặt chẽ với những người đương thời và để tâm tìm hiểu tường tận lối suy tư và cảm nghĩ đã được diễn tả qua những tinh hoa văn hóa riêng của họ. Các tín hữu phải phôi hợp những kiến thức khoa học và học thuyết mới cũng như những phát minh mới mẻ với nền luân lý và giáo lý Kitô giáo. Nhờ đó, đời sống đạo và tâm hồn chính trực của họ lớn lên song hành với kiến thức khoa học và kỹ thuật mỗi ngày một tiến bộ. Như vậy, họ có thể nhận định và giải thích mọi sự với lối cảm nghĩ hoàn toàn Kitô giáo.

Những vị chuyên khoa thần học trong các Chủng Viện và Đại Học nên cố gắng đem năng lực và quan điểm cộng tác với những người am tường các khoa học khác. Đồng thời, công cuộc nghiên cứu thần học nhằm đào sâu chân lý mạc khải không được khinh thường mỗi liên hệ của thần học đối với thời đại của mình. Có vậy, các nhà thần học mới có thể giúp những nhà chuyên môn trong các bộ môn khác hiểu biết đức tin đầy đủ hơn. Những công cuộc hợp tác này sẽ giúp ích nhiều cho việc đào tạo các thừa tác viên có chức vụ thánh. Họ có thể dẫn giải giáo lý về Thiên Chúa, về con người và thế giới một cách thích hợp với thời đại chúng ta hơn; nhờ đó, lời họ giảng cũng được đón nhận dễ dàng hơn ¹⁴. Mong cho có nhiều giáo dân được huấn luyện thích đáng về các khoa học thánh, và ước sao một số chuyên tâm học hỏi và đào sâu những môn học này. Tuy nhiên, để họ có thể làm tròn bổn phận của mình, cần phải thừa nhận cho tín hữu hoặc giáo sĩ hoặc giáo dân một sự tự do đầy đủ để nghiên cứu, suy tư, cũng như để khiêm tốn và can đảm trình bày quan điểm trong lãnh vực chuyên môn của họ ¹⁵. ^{74*}

Chú Thích:

65* Văn hóa giúp con người phát triển (số 53a), vậy văn hóa là thế nào? (b). Có thể có nhiều hình thức theo lịch sử và xã hội cũng như theo xã hội học và nhân chủng học (c).

1) Thực trạng của văn hóa hiện tại: Văn hóa được đổi mới và quốc tế hóa do ảnh hưởng khoa học gây nên (số 54). Đồng thời con người ý thức về quyền tự trị và về trách nhiệm trong lãnh vực văn hóa (số 55).

Đàng khác con người cũng nhận thấy nhiều xung đột (số 56a); giữa văn hóa do ảnh hưởng khoa học gây nên (số 54). Đồng thời con người ý thức về quyền tự trị và về trách nhiệm trong lãnh vực văn hóa (số 55).

Đàng khác con người cũng nhận thấy nhiều xung đột (số 56a); giữa văn hóa mới và nếp sống cũ của các cộng đoàn (b), giữa sự phát triển và thông truyền (c), giữa sự học biết càng ngày càng nhiều và quan niệm tổng quát cần thiết (d), giữa văn hóa ngày một phức tạp và việc quần chúng phải tham dự vào văn hóa (e), giữa quyền tự trị và đòi hỏi tôn giáo (f), dù vậy văn hóa phải giúp con người lớn lên về mọi phương diện (g).

2) Nguyên tắc để phát triển văn hóa:

A) Đức tin và văn hóa: Đức tin giúp ta phát triển văn hóa (số 57a); vì khiến ta tự hoàn thiện hóa và phục vụ đồng loại (b), vì cổ võ sự chân, thiện, mỹ và giúp ta hiểu vũ trụ hơn (c). Văn hóa giúp ta thờ phượng Chúa và đón nhận đức tin (d). Đàng khác tinh thần khoa học quá đáng có thể nguy hiểm (e). Nhưng ta không vì thế mà phủ nhận các giá trị của khoa học (f).

B) Phúc Âm và văn hóa: Chúa đã dùng văn hóa của dân Do thái để tự tỏ mình ra (số 58a). Giáo Hội đã dùng các nền văn hóa khác nhau để loan truyền Phúc Âm (b), và khi tiếp xúc với tất cả các nền văn hóa ấy thì đã mưu ích cho nó cũng như cho mình (c). Những lợi ích Phúc Âm mang lại (d).

C) Điều kiện giúp văn hóa phát triển để mưu ích cho con người biết chiêm ngưỡng và phán đoán (số 59a) là văn hóa phải hưởng thụ tự do (b). Giáo hội xác nhận quyền tự do văn hóa (c). Tự do nghiên cứu, tự do tư tưởng và phát biểu ý kiến, tự do thông tri (d). Vai trò của chính quyền (e).

3) Nhiệm vụ của Kitô hữu: Mọi người phải được hưởng thụ văn hóa (số 60a), phải có thể vào các Trường Cao Đẳng (b). Và mỗi người cũng có nhiệm vụ về văn hóa; để lập nên điều kiện thuận tiện cho mọi người, để giúp phụ nữ đóng một vai trò trong xã hội (c).

4) Giáo dục là cần thiết: Phải đề cao nhân vị (số 61a) và sứ mệnh gia đình (b). Việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội cũng như việc sử dụng các giờ rảnh đều quan trọng (c). Cần phải tìm hiểu ý nghĩa chính xác của văn hóa (d).

5) Vai trò của Giáo Hội: Có thể rất khó khăn khi phát triển văn hóa và đồng thời gìn giữ tinh thần Kitô giáo (số 62a). Phần đóng góp của các nhà thần học (b), văn chương và mỹ thuật (c). Lập trường của Giáo Hội đối với nhà văn và nghệ sĩ (d). Phải tìm hiểu thời đại và điều hòa văn hóa với giáo lý (e), đó là việc riêng của các nhà thần học (f).

66* Trong phần này Công Đồng nói về một thứ văn hóa "Âu Mỹ", của các quốc gia tiên tiến. Nhưng các quốc gia đang mở mang cũng hướng về thứ văn hóa giống như thế nhờ sự kỹ nghệ hóa; đồng thời cũng nhờ người trí thức trong các quốc gia đang mở mang hoặc đã theo học trong các học đường Âu Mỹ, hoặc đã theo học những chương trình Tây Phương tại các Viện Đại Học của nước mình. Bởi thế, ước gì kinh nghiệm của những quốc gia Âu Mỹ có thể giúp đỡ các quốc gia đang mở mang để tránh được những khuyết điểm mà văn hóa Tây Phương đã không tránh khỏi.

1 Xem Phần Nhập Đề của Hiến Chế này, số 4-10.

67* Giới trí thức và lãnh đạo ở các quốc gia đang mở mang có nhiệm vụ rất lớn lao và khó nhọc về vấn đề này.

68* Vấn đề này không chỉ có trong các quốc gia đang mở mang mà thôi. Các phong trào chống đối bên Âu Mỹ cũng đe dọa những giá trị truyền thống.

69* Một cách tóm tắt và thực tế, trong việc phát triển văn hóa chúng ta phải làm sao để điều hòa mọi giá trị: để duy trì sự quân bình giữa các điều cũ và điều mới, giữa lý trí và tình cảm, giữa trí óc khoa học và trí óc chiêm ngưỡng thiên nhiên, thường thức văn chương và mỹ thuật. Phải làm sao để giúp đỡ mỗi cá nhân và các dân tộc phát triển song song: nếu không, nhiều hình thức nô lệ mới có thể xuất hiện: chẳng hạn sự nô lệ kinh tế và văn hóa của cả một quốc gia.

2 Xem Col 3,1-2.

3 Xem Stk 1, 28.

4 Xem Cn 8, 30-31.

5 Xem T. Ireneô, Adv Haer. III, 11, 8: x.b. Sagnard, trg 200; Xem n.v.t., 16, 6: trg 290-292; 21, 10-22: trg 370-372; 22, 3: trg 378; v.v...

70* Hiện tượng luận chủ trương rằng ta phải đánh giá các hiện tượng mà không cần tìm đến những thực thể siêu việt. Ví dụ: trong cơn khủng hoảng đối với quyền bính trong Giáo Hội hay trong xã hội, chúng ta không cần dựa trên bất cứ nguyên tắc lý thuyết nào, mà phải chấp nhận những thực tại mới, thích hợp với các hiện tượng xảy ra. "Bất khả tri luận" chủ trương rằng trí con người thiếu khả năng để hiểu biết các thực tại siêu hình. Nhiều khi đó chỉ là một lập trường trong thực tế. Khoa học có thể đưa tới chủ trương ấy, không phải vì bản tính đòi hỏi như vậy, nhưng chỉ vì người ta muốn xét tới tất cả mọi vấn đề dựa trên những phương pháp thí nghiệm và thực tế của khoa học.

71* Đoạn trên đã được hàng trăm các Đức Giám Mục Á Phi và Nam Mỹ xác nhận. Có lẽ nhiều giáo dân thuộc giới trí thức (ở Việt Nam cũng như ở nhiều nơi khác) có cảm tưởng rằng mấy đoạn đó hợp với lý tưởng của Giáo Hội hơn là hợp với lịch sử. Quả quyết rằng Giáo Hội đã dùng những kho tàng của các nền văn hóa khác nhau để giảng dạy và diễn tả Phúc Âm trong Phụng Vụ mà không hề cấu kết với một dân tộc hay phong tục dân tộc nào... phải chăng hơi có tính cách tự đắc huênh hoang quá đáng? (Ví dụ, hơn ba thế kỷ, ở Việt Nam vẫn cử hành Phụng Vụ bằng tiếng Latinh và theo đúng như các nghi thức Roma). Dù ta cảm thấy Giáo Hội đã thực hiện một thứ thực dân tôn giáo và do đó trái với nguyên tắc tốt đẹp này (ở đây không cần nói đến vấn đề Giáo Hội có giúp đỡ cho thực dân chính trị hay không, vì có thể phức tạp hơn), nhưng nguyên tắc của Công Đồng đã rõ ràng. Ta phải làm sao để con cháu ta không thể tố cáo được rằng chúng ta đã không làm gì để thực hiện nguyên tắc đó trong thực tế.

6 Xem Eph 1, 10.

7 Xem lời Đức Piô XI nói với ĐGM Roland-Gosselin: "Đừng bao giờ quên rằng mục tiêu Giáo Hội nhằm là truyền bá Phúc Âm chứ không phải truyền bá văn minh. Nếu Giáo Hội truyền bá văn minh, thì qua việc truyền bá Phúc Âm" (Semaines sociales de France, Versailles, 1963, trg 461-462).

8 CD Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin công giáo Dei Filius, ch. IV: Dz 1695, 1799 (3015-3019). - Xem Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 190.

9 Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 260.

10 Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 283. - Piô XII, sứ điệp truyền thanh 24-12-1941: AAS 34 (1942), trg 16-17.

11 Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 260.

72* Với chế độ dân chủ, nữ giới bắt đầu đòi bình quyền với nam giới. Phong trào thoát ly hoàn toàn của nữ giới: về phương diện sinh vật học (không làm nô lệ cho hôn nhân và việc sinh nở), về kinh tế (có toàn quyền bất chấp ý kiến của người chồng), về xã hội (hình thức đàn bà nội trợ phải biến đi). Phong trào này một khi có tính cách tuyệt đối đến nỗi bỏ quên sự khác biệt giữa hai giới nam và nữ không những về sinh vật lý mà

còn về tâm lý, lúc ấy nó trái ngược với chính phẩm giá của phụ nữ và làm hại cho gia đình, xã hội. Công đồng đã nhấn mạnh sự bình đẳng về nhân quyền căn bản (số 29b) và ở đây không những chấp nhận sự thoát ly xã hội (về việc làm thích hợp với tài năng của họ) mà còn dạy mọi người phải cộng tác để phụ nữ góp phần riêng và cần thiết trong lãnh vực văn hóa. Lãnh vực văn hóa cũng bao gồm hoạt động chính trị! Đức Giáo Hoàng Piô XII đã nhắc lại rằng ơn thiên triệu chính của đàn bà cốt tủy tại việc làm mẹ (cũng có thể mang ý nghĩa thiêng liêng). Công việc ở ngoài gia đình có thể ngăn cản họ trong việc nuôi nấng, giáo dục con cái và sống đầm ấm với chồng. Đàng khác hoạt động xã hội của phụ nữ nhiều khi cần thiết vì ích chung (ví dụ để bảo vệ hay cố võ ích lợi của gia đình) và phẩm giá của giới phụ nữ cũng đòi hỏi họ góp phần vào ích lợi chung. Đặc biệt những phụ nữ không chồng không con, có thể dẫn thân để thực hành nhiều công việc xã hội và chính trị nữa (15-8-1945: AAS 37, 288 và 21-10-1945: AAS 37).

73* Ngày nay sự sai biệt giữa người học thức và kẻ dốt nát ở trong một dân tộc nào đó thật đáng sợ, nhưng sự sai biệt nơi một cá nhân giữa sự học biết thật cao trong một lãnh vực và sự dốt nát hoàn toàn về phương diện khác của văn hóa, điều đó lại càng đáng sợ hơn nữa! Nếu trong lãnh vực lý học, toán học, y học, v.v... thực có uy thế, nhưng đồng thời lại chẳng hiểu gì về văn chương... hay về tôn giáo, thì như vậy con người đã không phát triển các điều hòa. Phải phát triển các khả năng: trí tuệ, ý chí, kỷ ức, sức tưởng tượng tình cảm, lương tri... một cách quân bình.

12 Xem Gioan XXIII, Diễn văn khai mạc Công Đồng, 11-10-1962: AAS 54 (1962), trg 792.

13 Xem CĐ Vat II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh Sacrosanctum Concilium, số 123: AAS 56 (1964), trg 134. - Phaolô VI, Discorso agli artisti romani, 7-5-1964: 56 (1964), trg 439-442.

14 Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Đào Tạo Linh Mục Optatum totius và Tuyên Ngôn về Giáo Dục Kitô Giáo Gravissimum educationis.

15 Xem CĐ Vat. I I, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. IV, số 37: AAS 57 (1965), trg 42-43.

74* Trong số này Công Đồng diễn tả lại thái độ của Giáo Hội (thái độ Giáo Hội muốn có, hơn là thái độ đã có qua lịch sử) đối với tất cả các biểu hiện của văn hóa (Công Đồng nhắc lại thần học, văn chương và mỹ thuật như là ví dụ). Đó là thái độ thiện cảm biết khám phá những giá trị tích cực hơn là chỉ để ý đến những khó khăn và mối nguy hại; thái độ muốn dự phần và thấu hiểu để nhận thấy những khía cạnh văn hóa thích hợp với giáo lý thể nào; thái độ đối thoại trong bầu không khí tự do, loại bỏ lòng nghi ngờ đối với những ai chuyên môn về nghiên cứu (đặc biệt trong lãnh vực thần học).

VỀ MỤC LỤC

THA THỨ VÀ CỨU ĐỘ

CHÚA NHẬT II MÙA VỌNG, NĂM A

(Is 11:1-10; Tv 72; Rm 15:4-9; Mt. 3:1-12)

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD



Trong ba bài đọc Kinh Thánh hôm nay thì hai bài (Isaiah, Gioan Baotixita và Maria) là những hướng dẫn tuyệt hảo trong Mùa Vọng, chỉ cho chúng ta biết thái độ thích hợp để sửa soạn đón chào Chúa Cứu Thế đến. Trước tiên, Isaiah là tiên tri của **an ủi** và **hy vọng**. Bài đọc sách tiên tri Isaiah (Is 11:1-10) nói về gốc Jesse sẽ nảy chồi và rễ của nó sẽ ra nụ nở hoa (1). Điều này ám chỉ là dân Do Thái sau khi bị lưu đày ở Babylon thì chỉ còn một giòng họ David tồn tại, mà sau này từ đó sẽ phát sinh ra mầm mới là *Thiên Sứ* và là *Vua*. Hai câu 2-3 cho chúng ta biết nguồn gốc của những danh xưng truyền thống của những tặng vật do Thần Linh Thiên Chúa ban. Những câu 6-9 cho ta một hình ảnh hòa điệu thanh thoát về thiên đàng lại là một biểu tượng thể lượng về một nền hòa bình phổ quát và công lý vào thời đại thiên sứ. Xuyên suốt cả Mùa Vọng, Isaiah đã tuyên bố một Tin Mừng thực sự và chính đáng cho toàn dân Israel đang bị lưu đày ở Babylon, thúc dục họ phải tỉnh thức mà cầu nguyện, ráng nhận biết những dấu chỉ đáng Thiên Sai sắp đến.

VƯƠNG QUỐC “THIÊN ĐÀNG” ĐANG Ở TÀM TAY

Rồi Gioan Baotixita xuất hiện (Mt. 3:1-12). Ông là tiền hô của đảng Thiên Sai, được giới thiệu là “*Tiếng kêu trong hoang địa*”, bắt đầu giảng thuyết và làm “*phép rửa, một cử chỉ thống hối để tha thứ tội lỗi*”. Không giống Luca, Mathieu không nói gì về nguồn gốc của Gioan Baotixita và cũng không cho thấy mối liên hệ giữa ông ta và đức Giesu.

Mathieu nhận lệnh thi hành mục vụ Chúa Giesu được nói trong Marco, lúc Gioan Tiền Hô khởi đầu cuộc giảng thuyết. Gioan kêu gọi mọi người thay đổi tâm tư và thái độ, cải đổi cuộc sống và lắng nghe Lời Thiên Chúa. Đó là điều kiện duy nhất nhận biết đảng Thiên Sai hiện diện ở trần gian và vương quốc thiên đàng đang ở trong tầm tay. “Thiên Đàng” là từ thay thế cho từ “Thiên Chúa” mà những người Do Thái mộ đạo tránh không dùng để tỏ lòng tôn kính. Thành ngữ “*Vương quốc Thiên đàng*” chỉ thấy nói trong Tin Mừng Mathieu, có nghĩa là luật Thiên Chúa đã có hiệu lực trên thần dân của Người. Trong sự hoàn hảo sung mãn của nó còn bao gồm, không chỉ việc loài người vâng lời Thiên Chúa, mà cả việc Thiên Chúa khai hoàn trên tội lỗi và ác quỷ, và sau cùng vượt thắng cả tử thần. Trong niềm mong đợi khai huyền của người Do Thái, vương quốc có những lề luật để phán xét những kẻ tội lỗi mà hậu quả thế nào đã được Gioan Tiền Hô nói tới. Sau này luật lệ đã thay đổi theo cách hiểu biết của người Kito hữu, theo đó vương quốc được thiết lập theo từng thang nấc để cuối cùng đi đến tột bậc là lúc Chúa Giesu giáng trần lần thứ hai và cũng là lần chót.

ÁO DA THÚ CỦA GIOAN TIỀN HÔ

Mathieu giới thiệu Gioan Tiền Hô như là nhà giảng thuyết Kito giáo đầu tiên. Mặc áo da có lông như Elijah (2V 1:8), Gioan long trọng tuyên bố là Thiên Chúa đã bắt đầu hòa đồng với nhân loại. Niềm ước mong Elijah từ thiên đàng trở về để chuẩn bị cho dân Israel đón nhận sự tỏ lộ của vương quốc Thiên Chúa đã lan rộng khắp nơi, và theo Mathieu thì sự chờ mong này đã được hoàn chỉnh bởi mục vụ Gioan Tiền Hô (Mt 11:14; 17:11-13).

Nghi thức phép rửa (c.6) đã được nhiều nhóm ở Palestine thực hành khoảng 150 BC và 250 AD. Phép rửa của Gioan có thể cũng ít nhiều liên hệ đến phép thanh tẩy của nhóm người Essenes ở vùng Qumran dọc theo bãi biển của Biển Chết. Phép rửa của Gioan Tiền Hô là bí tích thống hối đòi hỏi cải đổi và chấp nhận tư tưởng và hành động mới.

NGƯỜI BIỆT PHÁI, NGƯỜI SA ĐỐC[1] VÀ CHÚNG TA

Sự phối hợp gượng gạo giữa người biệt phái và Sa Đốc trong đoạn Phúc Âm này của Mathieu hiển nhiên là một ước nguyện canh tân (Mt.3:7). Người biệt phái thì sống sát với luật lệ, cả viết lẫn truyền khẩu; các kinh sư và chuyên viên luật cũng thuộc về nhóm này. Còn người Sa Đốc thì thuộc phái tư tế, theo chủ thuyết Aristotle thường bám vào trung tâm Jerusalem. Họ chỉ chấp nhận 5 cuốn sách đầu tiên của Cựu Ước là Kinh Thánh, tuân theo thư luật, chối bỏ mọi luật lệ truyền thống truyền khẩu và chống đối các giáo huấn không có trong Ngũ Thư của Maisen, chẳng hạn người chết sống lại. Mathieu coi cả hai phái này là kẻ thù của chúa Giesu. Những lời đe dọa mà Mathieu đưa ra là nhắm vào hai nhóm này chứ không phải “đám đông” như trong Luca 3:7. Cơn “thịnh nở sắp đến” là sự phán xét nặng nề ghê gớm sẽ đổ lên đầu những kẻ tội lỗi mà không chịu ăn năn thống hối.

Vào ngày cuối cùng của chúng ta trên mặt đất này, lúc chết, chúng ta sẽ được đánh giá do chúng ta có chấp nhận Lời Chúa hay không, có noi gương Chúa không. Thiên Chúa kêu gọi chúng ta phải bước theo chúa Giesu từng bước, biến cuộc sống của chúng ta thành tặng phẩm tình yêu như đức Giesu đã làm. Hoa trái của tình yêu là hoa trái “*phù hợp với sự thống hối*” mà Gioan Tẩy Giả nói tới khi ông cất lời những tên Biệt Phái và Sa Đốc lẫn lộn trong đám đông đến để xin chịu phép Thanh Tẩy.

Chúng ta nghe nói về phép thanh tẩy bằng chúa Thánh Thần (c.11). Ông Gioan làm phép rửa bằng nước thì rồi sẽ được “tràn đầy” ơn thống hối do quyền năng rửa sạch của chúa Thánh Linh, cũng như hình phạt bởi phán quyết do quyền năng tiêu diệt của Thần Linh Thiên Chúa đến những ai không thực lòng ăn năn. Có người gọi Chúa Thánh Thần là Lửa thì cũng đúng thôi, bởi lẽ Lửa vừa có thể nung nóng lòng hăng say thống hối, vừa có thể đốt cháy tiêu tan đối tượng. Do đó, hậu quả của lửa là hoặc thanh tẩy hoặc hủy diệt. Sự trái ngược giữa xấu và tốt (c.12) được so sánh với hành động người nông dân phân chia lúa tốt với lúa xấu. Quạt lúa ví như cái chĩa xúc tung lúa lên không, hạt lúa chắc, tốt sẽ rơi xuống sàn, còn hạt lép, trấu sẽ bị gió thổi bay lên không rơi ra xa và người nông dân sẽ thu nhặt lại rồi đốt bỏ đi.

SỨ MỆNH CỦA GIOAN TIỀN HÔ

Sứ mệnh của Gioan Tiền Hô là chuẩn bị đường cho đấng thiên sai đến. Khi các đệ tử của Gioan thấy chúa Giesu làm phép rửa ở sông Jordan thì bối rối đến hỏi ông thì được ông trả lời một cách chắc nịch rằng: “*Chẳng ai có thể nhận được bất cứ cái gì mà không phải do trời*”

ban...”, rồi ông tiếp “ông chỉ như bạn của chú rể; người nào cưới vợ thì là chú rể, phụ rể chỉ là người đứng đó để chung vui với chàng rể mà thôi. Đó là niềm vui của thầy, niềm vui ấy giờ đây đã trọn vẹn. Người phải nổi bật lên còn thầy thì phải nhỏ lại và lu mờ đi” (Ga 3:25-30).

Người làm phép thanh tẩy cho thấy bản tính con người là bất toàn. Khi thời điểm đã tới thì Gioan dẫn các đệ tử của ông đến gặp đức Giesu và chỉ cho họ biết đáng thiên sai, là ánh sáng thật, là Con Chiên Thiên Chúa gánh tội trần gian. Chứng nhận của Chúa Giesu cho Gioan đã chứng tỏ người làm phép Thanh Tẩy, ông Gioan là anh hùng vĩ đại nhất trong những anh hùng của Israel (Mt 11:7-19; Lc 7: 24-35).

Gioan Tiền Hô tự coi mình không bằng nô lệ của Đức Giesu: “*Tôi thanh tẩy người bằng nước, nhưng có một vị quyền lực hơn tôi nhiều đến sau tôi, tôi không đáng cởi dây giày cho Người. Người sẽ làm phép thanh tẩy người bằng Chúa Thánh Thần và Lửa (Mt 3:11).* Gioan cho mọi người lúc bấy giờ một cảm nghiệm tha thứ và ơn cứu độ và biết rõ ràng ông không phải là đáng thiên sai, người có thể ban ơn cứu độ. Chúng ta có thể cho mọi người cảm nghiệm về Thiên Chúa, về sự tha thứ và ơn cứu độ không?

Đám đông đến với Gioan và hỏi ông: “Chúng tôi phải làm gì bây giờ?” Gioan đã nói thẳng, đi ngay vào điểm cần phải nói. Ông khuyên mọi người đừng từ bỏ thế giới họ đang sống, cho dù nó mờ ảo đến đâu đi nữa. Đứng ra ngài khuyên những ai có hai áo thì đem cho kẻ không có áo một cái. Ai dư giả của ăn thì đem chia sẻ bớt cho người nghèo khó, đói khổ. Người thu thuế thì đừng thu góp nhiều hơn là họ được phép thu. Lính thì đừng cướp bóc, đừng bạo động tàn phá của cải của dân và đừng cáo gian cho họ. Hãy vui vẻ chấp nhận đồng lương của mình. Còn dân chúng thì phải chuẩn bị cái gì để đón chào đáng Thiên Sai đây? Hãy quảng đại, rộng lượng, lương thiện, công chính, biết ơn và giấu lòng trắc ẩn thương sót (Lc 3:10-14).

SỨ ĐIỆP MUÔN ĐỜI CỦA GIOAN TIỀN HÔ

Tiên tri của Israel là người nhận lời Chúa làm sứ giả và diễn nghĩa Lời Chúa.

Lời Chúa đến với tiên tri thì buộc họ phải nói ra. Tiên tri là lương tâm của cộng đồng và của quốc gia. Ezekiel cho biết tiên tri giống như người canh gác có nhiệm vụ quan sát xem điều gì xảy ra cho cộng đồng, đưa ra lời cảnh báo và nói trước cho mọi người biết “điều xảy ra là sai trái” hoặc “chúng ta đang gặp nguy hiểm, chúng ta phải thay đổi, chúng ta phải sẵn sàng tự bảo vệ mình.” Tiên tri là người nhìn thấy trước chúng ta, là người nhìn thấy những dấu chỉ cho biết điều sắp xảy ra.

Đôi khi các tiên tri cũng chia sẻ với loài người cơn thịnh nộ, lòng trắc ẩn thương sót, nỗi buồn sâu, sự thất vọng, sự thay đổi bất ngờ và sự bén nhạy cũng như tầm quan trọng của Lời và Việc Thiên Chúa. Các ngài không chia sẻ những gì trừu tượng; đứng ra các ngài chia sẻ cảm nghĩ của Thiên Chúa về những biến cố cụ thể sẽ xảy ra vào thời đại của các ngài. Đó là loại tiên tri như Gioan Tẩy Giả. Ngài không nói quanh co, mà đi thẳng vào vấn đề, nói điều cần phải nói. Đã bao nhiêu lần lời nói, tư tưởng và việc làm của chúng ta mập mờ, không đi đôi với nhau! Đã bao nhiêu lần hành động của chúng ta đã gây hoang mang thắc mắc về thời đại chúng ta và làm hại Giáo Hội! Những tiên tri thực sự của Israel là mẫu mực cho chúng ta khi phải đương đầu với những hoàn cảnh đối trá lừa lọc trong cuộc đời. Lời Gioan Tẩy Giả vẫn tiếp tục vang vọng đến nhiều thế kỷ và cho mọi thế hệ. Ngài kêu gọi chúng ta sửa soạn đường cho Chúa, đáng sẽ đến trong cảnh hoang dại cả nội tâm lẫn ngoại cảnh của ngày nay, thời đại đang khao khát nước hằng sống là đức Kito. Chớ gì khi tưởng nhớ lại thánh Gioan, ngài sẽ hướng dẫn cuộc đàm thoại của chúng ta với ngài, hầu chúng ta có thể chọn lựa đúng những điều cần thiết hòa hợp ăn khớp giữa tâm tư và cuộc sống của chúng ta đúng theo tinh thần Tin Mừng của đức Kito.

ĐÔI LỜI KẾT:

“LỜI CHÚA” TRONG CUỘC HÀNH TRÌNH MÙA VỌNG

Xin phép gợi ý cách thức sửa soạn đường cho Chúa đến với chúng ta trong mùa Vọng này. Hãy đọc Tông Huấn Verbum Domini của Biển Đức XVI. Đây là tài liệu khá quan trọng của Thượng Hội Đồng các Giám Mục về Lời Chúa trong Cuộc Sống của Giáo Hội vào tháng 10 năm 2008. Tôi đề nghị đặc biệt đoạn 11 nói về “Kito Học về Lời”.

Liếc nhìn qua tất cả thực tế những việc làm của Thiên Chúa Ba Ngôi qua Lời Chúa, chúng ta có thể hiểu được ý muốn của tác giả thư gửi tín hữu Do Thái: “Thiên Chúa đã nói nhiều lần và bằng nhiều cách khác nhau cho cha ông chúng ta qua các tiên tri. Nhưng trong những ngày cuối cùng này, Người đã nói với chúng ta qua Con Một Người là đấng mà Thiên Chúa đã chỉ định làm thừa tự tất cả mọi sự mọi loài mà qua Người, Thiên Chúa cũng tạo dựng nên vũ trụ” (Dt 1:1-2). Quả là quá tuyệt vời khi thấy toàn thể Cựu Ước đã biểu hiện cho chúng ta thấy đó là một lịch sử, trong đó Thiên Chúa hiệp thông với chúng ta qua lời của Người. Thực vậy, “bởi giao ước của Thiên Chúa với Abraham (St 15:18), và qua Maisen với dân Israel (Xh 24:8), Thiên Chúa đã thu gọn mọi dân tộc lại với Người, và Người sẽ tỏ lộ cho họ bằng lời nói và hành động là một, là Thiên Chúa thực sự và hằng sống. Đó là kế hoạch của Người để dân Israel có thể học hỏi nhờ cảm nghiệm cách thức của Thiên Chúa đối với loài người, nhờ cách lắng nghe tiếng Chúa nói với họ qua các tiên tri để từ từ họ có thể hiểu được đường lối của Thiên Chúa cách trọn vẹn và rõ ràng hơn, đồng thời giúp họ được mọi quốc gia trên thế giới nhận biết rộng rãi hơn (Tv 21:28-29; 95:1-3; Is 2:1-4; Gr 3:17).

Fleming Island, Florida.

Dec 4, 2013

NTC

[1] Người Sa Đốc/Sadducees là những người thuộc một giáo phái thời chúa Giesu, gồm những thành viên của các đại gia đình tư tế, cộng tác với chính quyền xâm lăng Roma, nắm độc quyền nhiều nguồn lợi kinh tế và chính trị, bảo thủ vì chế độ càng được duy trì thì họ càng có lợi. Về giáo lý họ không tin có thiên thần, phủ nhận việc kẻ chết ngày sau sống lại và khước từ mọi luật lệ truyền khẩu. Phái này đối lập với nhóm biệt phái Pharisiu (Mt 3:7; Mc 12:18-27; Lc 20:27-40; Cv 23:6-8).

VỀ MỤC LỤC

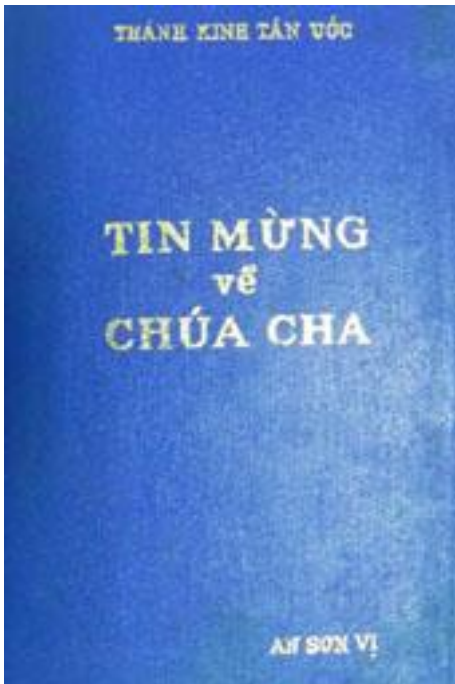
CHÂN LÝ TRONG KINH THÁNH

Bình Nhi

Phải chăng Kinh Thánh đầy dẫy những sai lầm như một số người đã kích? Hay Kinh Thánh hoàn toàn không sai lầm?

Thiết tưởng để trả lời, chúng ta nên đặt vấn đề như sau, nhằm đi thẳng vào thực chất, điểm mấu chốt của vấn đề: Thế nào là chân lý trong Kinh Thánh?

Chân lý trong Kinh Thánh xuất phát từ sự kiện chân lý ấy được Thiên Chúa linh hứng



Kinh Thánh là tập hợp những quyển sách được Thiên Chúa linh hứng mà Hội Thánh lãnh nhận từ những người Israel xưa (các sách Cựu Ước) và từ các Tông đồ (các sách Tân Ước) như một nguồn chân lý mà Hội Thánh tin là xác thực và không ngừng rao giảng.

Nhưng thế nào linh hứng? Nói Kinh Thánh được linh hứng có nghĩa là chính Thiên Chúa là tác giả thật của Kinh Thánh. Ngài sử dụng tác nhân con người một cách kỳ diệu đến nỗi thánh ký viết điều mà Chúa Thánh Thần muốn người đó viết ra và viết một cách không sai lầm. Tuy nhiên, người đó vẫn có tự do và có thể sử dụng văn loại, thể văn, hình thức văn chương mình sở trường hoặc muốn vận dụng. Sở dĩ được như vậy là vì Thiên Chúa “siêu”. Ngài ở trên nhân loại và vượt ra khỏi mọi thứ phân loại và xếp hạng mà con người đặt ra. Ngài “siêu” đến nỗi có thể để tác giả con người được tự do vận dụng mọi khả năng của mình trong khi diễn đạt mà vẫn bảo đảm cho điều họ viết không sai lầm về mặt đức tin[1].

Nếu do Thiên Chúa linh hứng, tại sao nhiều người đã kích trong Kinh Thánh có những sai lầm?

Ngày nay vẫn còn một số người nói Kinh Thánh chứa nhiều sai lầm. Nhưng Hội Thánh trả lời là không.

Nếu chịu khó suy nghĩ, ta cũng có thể thấy không có vấn đề Kinh Thánh sai lầm. Để có thể đọc và hiểu được các tác phẩm cổ, ta cần chú ý đến thể văn. Cảm quyền Truyện Kiều, ta đọc nó như một tác phẩm văn học viết bằng thơ lục bát, và ta không đi tìm chân lý khoa học trong đó. Thậm chí những điều có thể gọi là phản khoa học trong tuyệt tác phẩm đó ta lại còn khen hay, rất hay là đằng khác[2]. Phương pháp tiếp cận, cách làm này giúp ta giải quyết được nhiều vấn đề xem ra nan giải, cực kỳ hóc búa liên quan đến việc giải thích những đoạn văn Kinh Thánh có vẻ chứa sự sai lầm hoặc mâu thuẫn lẫn nhau. Dĩ nhiên là không có sai lầm hay mâu thuẫn trong Kinh Thánh[3] vì Đức Chúa Thánh Thần là tác giả chính, có nghĩa là Thiên Chúa chịu trách nhiệm nếu có sai lầm.

Điều ta vừa nói chính là lập luận, niềm tin của những Kitô hữu ngày xưa. Những học giả thời sơ khai chẳng hạn. Họ là những người có đức tin. Họ không luôn luôn giải quyết, tìm ra câu trả lời cho những một số khó khăn, vấn nạn họ gặp phải. Nhưng họ tự nhủ: Dù cho ta không tìm ra, ta biết chắc chắn phải có câu trả lời, phải có “đáp án” vì Kinh Thánh là công trình, là tác phẩm của Đức Chúa Thánh Thần thì tất yếu không thể sai lầm được.

Trong thư trả lời Trypho, một người Do Thái luôn tìm cách lý luận chống đối đức tin Kitô giáo bằng cách nêu ra những mâu thuẫn trong Kinh Thánh, Thánh Justin đã viết như sau: “Tôi không bao giờ dám nghĩ hoặc dám nói có những mâu thuẫn tìm thấy trong Kinh Thánh; nếu có một đoạn nào đó trong Kinh Thánh dường như mâu thuẫn với một đoạn khác, tôi thú nhận rằng ý nghĩa của đoạn đó tôi chưa nắm được và tôi sẽ tìm hết cách thuyết phục những ai hồ nghi Kinh Thánh tự mâu thuẫn hãy chấp nhận phương pháp tiếp cận của tôi”[4].

Có cùng lập trường như trên, khi đề cập đến những điểm bề ngoài xem ra mâu thuẫn nhau, Thánh Âu-tinh đã viết trong một bức thư gửi Thánh Giêrônimô như sau: "Nếu trong những đoạn văn ấy tôi tìm thấy điều gì dường như trái ngược với chân lý, điều ấy không làm tôi nản lòng, vì tôi kết luận rằng bản văn (codex) mà tôi đang đọc có thể có lỗi, hoặc dịch giả có thể không dịch đúng, hoặc bản thân tôi có thể không hiểu nó cho đúng"[5].

Chân lý do Chúa Thánh Thần linh hứng liên quan đến việc cứu rỗi

Đức Giê-su đã nói: "Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn" (Ga 16,13). Nói cách khác, Đức Giê-su khẳng định với chúng ta rằng Chúa Thánh Thần sẽ dẫn dắt và bảo vệ Hội Thánh của Người khỏi mọi sai lầm trong tiến trình lưu truyền lại đức tin.

Ta gọi sự trợ giúp ấy của Chúa Thánh Thần là linh hứng. Từ ngữ này được Thánh Phao-lô sử dụng trong Thư thứ hai gửi Ti-mô-thê: "Tất cả những gì viết trong Sách Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng" (2 Tm 3,16). Nghĩa là Chúa Thánh Thần soi sáng, hướng dẫn và bảo vệ các thánh ký khỏi những sai lầm trong những vấn đề liên hệ đến việc cứu rỗi. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng điều này không luôn luôn có nghĩa là Thánh Thần bảo vệ các tác giả ấy khỏi những sai lầm về lịch sử và khoa học. Thiên Chúa không bao giờ có ý định linh hứng để cho họ viết sách khoa học và lịch sử. Vì thế, nhìn từ góc độ khoa học ngày nay, Kinh Thánh không khỏi có một số sai lầm nhất định về khoa học và lịch sử.

Đối với sai lầm về thuộc loại thứ nhất, ta có thể trích dẫn sách Đệ Nhị Luật, chương 14, câu 7, đã liệt kê loài thỏ rừng là một trong những thú vật nhai lại. Điều đó dĩ nhiên là không đúng về mặt khoa học. Còn đề cập đến sai lầm về mặt lịch sử, chúng ta có thể lấy thí dụ sau : Sách 1 Sa-mu-en 31,4 ghi lại rằng Vua Sa-un bảo người hầu cận : "Rút gươm ra và đâm ta đi, kéo bọn không cắt bì ấy đến đâm ta và ngạo ta". Nhưng người hầu cận không dám vì quá sợ. Vua Sa-un mới lấy gươm ra và lao vào mũi gươm". Rõ ràng ở đây nói vua Sau-lê tự vận thế mà sách 2 Sa-mu-en 1,9-10 lại viết là một người khác đã giết nhà vua.

Một số nguyên tắc để nhận ra ý nghĩa đích thực của Kinh Thánh

Thánh Âu-tinh đã thiết lập một số nguyên tắc có thể giúp ta tìm hiểu và nhận ra ý nghĩa đích thực của Kinh Thánh:

1. Chúa thiết kế bản văn Sách Thánh để "đào tạo các Kitô hữu, chứ không phải các học giả"[6].
2. "Thần Khí Thiên Chúa nói với ta qua các thánh ký không có ý định giảng dạy con người điều gì khác ngoài những gì hữu ích cho ơn cứu độ của họ"[7].

Cách đây hơn một thế kỷ, Đức Giáo Hoàng Lê-ô XIII đã viết : "Chúng ta phải nhớ rằng, trước hết, các thánh ký, hay nói chính xác hơn, Đức Chúa Thánh Thần 'Đấng đã nói qua họ, không có ý định dạy cho con người các điều đó (nghĩa là bản chất cốt yếu của vạn vật trong vũ trụ hữu hình), những thứ không có ích lợi gì cho ơn cứu độ'. Do vậy các thánh ký không tìm cách đi sâu vào các bí mật thiên nhiên, nhưng mô tả và bàn luận về sự vật bằng ngôn ngữ ít nhiều mang tính hình tượng, hoặc dùng từ ngữ thông dụng của thời đó mà trong nhiều trường hợp vẫn còn thông dụng đến ngày nay, ngay cả các nhân vật kiệt xuất trong giới khoa học cũng sử dụng"[8].

Kết luận

Ta phải cảm ơn Thiên Chúa chẳng những đã ban cho ta cuốn Kinh Thánh và còn lập ra Hội Thánh để giải thích Kinh Thánh cho ta. Hãy lắng nghe giáo huấn của Hội Thánh về vấn đề Sách Thánh.

Sách Giáo lý Công Giáo viết: “Thiên Chúa là tác giả của Thánh Kinh theo nghĩa Người là Đấng linh hứng các tác giả nhân loại: Người tác động nơi họ và qua họ. Như thế, Người bảo đảm các tác phẩm của họ giảng dạy không sai lầm chân lý cứu độ” (GLCG 136, x. DV 11). Công đồng Vatican II khẳng định: “Kinh Thánh dạy ta cách chắc chắn, trung thành và không sai lầm những chân lý mà Thiên Chúa đã muốn ghi lại vì phần rỗi chúng ta” (DV 11).

Thiên Chúa đã linh hứng, hướng tâm trí các thánh ký tập trung vào các điều cốt yếu, cho nên những chi tiết lịch sử hay khoa học có phần bị lu mờ. Thiên Chúa không chủ ý dạy ta chi tiết. Tuy nhiên, vì toàn bộ nội dung Kinh Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng, cho nên ta không thể chia Sách Thánh ra làm hai phần: phần cốt yếu thì giữ lại, còn phần không cốt yếu ta cứ việc lấy kéo mà xén! Rõ ràng không làm thế được bởi vì toàn bộ nội dung pho sách đều góp phần vào việc làm rõ giáo huấn, làm nổi bật trọng tâm căn bản, và sự đóng góp này “khi ít khi nhiều, khi nào cũng có” như cái tạt chia trí lo ra của chúng ta trong khi dâng lễ, đọc kinh vậy. Mà trái lại, các chi tiết nhỏ nhặt, các phần tùy phụ trong Kinh Thánh đều đóng góp phần khiêm tốn của nó vào đại cục, như anh binh nhì trong một quân đoàn, như anh công nhân vệ sinh quét đường ban đêm, như chị y công trong bệnh viện, như người phụ hồ trên công trường.

[1] Như có tác giả với tài năng của một nhà văn đã tả cảnh con chó Tôbia vẫy đuôi ngoe nguẩy rất sinh động. Tuy nhiên, chi tiết duyên dáng đó tác giả dùng chỉ để tô điểm phơn phớt cho cuốn sách, chứ không có ý muốn hướng sự chú ý của người đọc đến chi tiết đó mà quên cốt truyện.

[2] Như đoạn Nguyễn Du tả cảnh chia ly giữa đôi tình nhân Thúc Sinh-Thuý Kiều:

“Vàng trắng ai xẻ làm đôi?

Nửa in gói chiếc, nửa soi dăm trường”.

Không có nhà khoa học nào nhân danh khoa học quy chụp Nguyễn Du tội phổ biến điều phản khoa học vì họ hiểu “chân lý” ở đây không phải là chân lý thuộc lĩnh vực khoa học, mà thuộc địa hạt khác.

[3] Ở đây ta không nói đến bình diện khoa học và lịch sử vì Thiên Chúa không linh hứng cho các thành ký viết sách khoa học và lịch sử, mà chỉ mạc khải những gì cần thiết cho ơn cứu độ của ta.

[4] Đối thoại với Trypho, 65.

5] Thư 82, 1,3.

6] De Actis cum Felice Manicheo, 1, 10.

[7] De Gen. Ad litt., II,9.

[8] Providentissimus Deus, có dẫn lời Thánh Âu-tinh.

Nguồn: <http://vongtrondongtam.com.vn/catalog/showthanhoc.php?id=12>

VỀ MỤC LỤC

CỨ LÀM VIỆC BÁC ÁI LÀ ĐỦ ĐỂ ĐƯỢC CỨU RỒI ?

Hỏi : Trong Phúc âm Thánh Matthêu ,chương 25, qua dụ ngôn “Ngày phán xét chung” Chúa thưởng công cho những người khi còn sống có lòng bác ái, và phạt những người không có lòng bác ái. Như vậy có phải chỉ cần làm việc bác ái là được cứu rồi hay sao ?

Trả lời :

Mến Chúa và yêu người là hai điều răn quan trọng nhất mà Thiên Chúa truyền cho con người phải tuân giữ để được chúc phúc từ thời Cựu Ước đến thời Tân Ước như lời Chúa Giêsu đã nói với một kinh sư kia như sau:

“ Điều răn đứng đầu là : Nghe đây, hỡi Israel, Đức Chúa Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất. Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức lực người. Điều răn thứ hai là : người phải yêu mến người lân cận (neighbors) như chính mình. Chẳng còn điều răn nào khác lớn hơn các điều răn đó.” (Mc 12: 29- 31; Mt 22 : 38-39)

Nghĩa là mến Chúa phải đi đôi với yêu người. Mà yêu người thì không phải chỉ yêu người về phe với mình, ca tụng mình, có lợi cho mình mà còn phải yêu cả kẻ thù của mình như Chúa đã dạy các môn đệ xưa:

“ anh em đã nghe Luật dạy rằng: hãy yêu đồng loại và hãy ghét kẻ thù. Còn Thầy, Thầy bảo anh em : hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em.” (Mt 5: 43-44)

Chúa không những dạy mà còn làm gương yêu kẻ thù cho chúng ta, khi Chúa bị treo trên thập giá và Người đã cầu xin cùng Chúa Cha cho những kẻ đã đóng đinh Người như sau:

“ Lạy Cha , xin tha cho chúng vì chúng không biết việc chúng làm.” (Lc 23 : 34)

Như thế đủ cho chúng ta thấy là phải yêu người khác như thế nào để xứng đáng được “ trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên Trời, vì Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính. “ (Mt 5: 45)

Nhưng mến Chúa và yêu người thì không thể nói lý thuyết suông được, mà phải thể hiện bằng hành động cụ thể để chứng minh, vì nếu chỉ nói mà không làm thì không thuyết phục được ai. Và cũng không có giá trị gì cả.

Thực vậy, trước hết, nói về yêu mến Chúa, thì phải thực sự yêu mến từ trong lòng, từ nội tâm ra đến hành động bên ngoài. Nếu không, thì hãy nghe Chúa Giêsu mượn lời ngôn sứ I-saia để nói về bọn Biệt phái và Luật sĩ xưa như sau :

“ Dân này tôn kính Ta bằng môi bằng miệng

Còn lòng chúng thì lại xa Ta

Chúng có thờ phượng Ta thì cũng vô ích

Vì giáo lý chúng giảng dạy chỉ là giới luật phạm nhân,” (Mt 15: 8-9)

Nếu thực tâm yêu mến Chúa thì trước hết phải tuân giữ các thánh chỉ hay điều răn của Chúa như Chúa Giêsu đã dạy các môn đệ xưa:

“ Ai có và giữ các điều răn của Thầy

Người ấy mới là kẻ yêu mến Thầy

Mà ai yêu mến Thầy, thì sẽ được Cha của Thầy yêu mến.

Thầy sẽ yêu mến người ấy, và sẽ tỏ mình ra cho người ấy.” (Ga 14: 21)

Nói khác đi, không thể nói tin Chúa, yêu Chúa mà lại làm những điều trái nghịch với tình thương, công bằng và thánh thiện của Chúa, như oán thù, ghen ghét, giết người, giết thai nhi, bất công và bóc lột người khác, thay vợ đổi chồng, dâm ô trác táng, tôn thờ tiền của và mọi thú vui vô luân vô đạo.

Lại nữa, cũng không thể yêu Chúa mà không yêu mến Giáo Hội và những bí tích tối cần cho ơn cứu độ như Thánh Thể và Hòa giải để siêng năng tham dự Thánh lễ ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc quanh năm; cũng như năng chạy đến với Chúa trong bí tích hòa giải để được tha thứ mọi tội lỗi vì yếu đuối con người- nhất là vì ma quỷ cám dỗ và gương xấu của môi trường sống.

Thứ đến là yêu mến người khác. Tình yêu này cũng phải được thể hiện bằng hành động cụ thể, chứ không thể nói suông ngoài môi miệng như Thánh Gia-cô- bê Tông đồ đã dạy như sau :

“ Giả như có người anh em hay chị em không có áo che thân, và không đủ của ăn hàng ngày, mà có ai trong anh em lại nói với họ : “Hãy đi bình an, mặc cho ấm, ăn cho no nhưng lại không cho họ những thứ thân xác họ đang cần , thì nào có ích gì ?” (Gc 2: 14-16)

Nói rõ hơn, bác ái phải được minh chứng bằng hành động cụ thể thì mới có giá trị thuyết phục.

Bác ái đích thực cũng là thước đo đức tin sống động và là điều làm đẹp lòng Thiên Chúa, Đáng cũng vì yêu thương bác ái đích thực mà tạo dựng và cứu chuộc con người nhờ Chúa Kitô, Đáng đã **“hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người.”**(Mt 20: 28) cũng chỉ vì muốn cụ thể hóa tình yêu của Chúa đối với tất cả mọi người chúng ta như Chúa đã nói với các môn đệ trước giờ Người bị trao nộp:

“ Không có tình thương nào cao cả

Hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng

Vì bạn hữu của mình.” (Ga 15: 13)

Trên đây là lời cáo biệt sau hết của Chúa với 12 Tông Đồ. Nhân dịp này Chúa đã gọi họ - và qua họ, tất cả chúng ta- là “ bạn hữu” của Người. Và Chúa đã minh chứng tình yêu của Người cho chúng ta bằng cách **“ hy sinh mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người.”** (Mt 20 : 28)

Chính trong tinh thần này mà dụ ngôn Ngày Phán xét chung trong Tin Mừng Thánh Matthêu là một thí dụ cụ thể về mến Chúa và yêu người cách đích thực.

Thật vậy, qua dụ ngôn trên, Chúa muốn chúng ta cụ thể lòng tin yêu Chúa bằng việc bác ái, thiết thực là cho kẻ đói ăn, cho kẻ khát uống, thăm nom người đau yếu và kẻ bị tù đầy. Như thế những việc bác ái này là bằng chứng nói lên lòng tin yêu Chúa cách nồng nàn nhất – và do đó- có giá trị cứu rỗi cho những ai muốn chứng minh đức tin và đức mến của mình dựa trên lời dạy sau đây của Thánh Gia-cô-bê Tông đồ:

“Bạn, bạn có đức tin; còn tôi, tôi có hành động. Bạn thử cho tôi thấy thế nào là tin mà không có hành động. Còn tôi tôi sẽ hành động để cho bạn thấy thế nào là tin... Ông Ap-raham tổ phụ chúng ta đã chẳng được nên công chính nhờ hành động khi ông hiến dâng con mình là I-xa-ac trên bàn thờ đó sao? Bạn thấy đó: đức tin hợp tác với hành động của ông, và nhờ hành động mà đức tin nên hoàn hảo... Anh em thấy đó: nhờ hành động mà con người được nên công chính, chứ không phải chỉ nhờ đức tin mà thôi.” (Gc 2: 17-18, 21, 24)

Nói cách khác, nhờ đức tin, ta tin có Chúa là Cha cực tốt cực lành. Đức tin dạy ta phải mến Chúa và yêu người cách cụ thể, sống động chứ không lý thuyết suông bằng môi miệng. Do đó, đức ái nồng nàn là thể hiện đức tin sâu đậm. Nghĩa là nếu không có đức tin là động lực chính thúc đẩy thì hành động không thể mang giá trị bác ái được.

Cụ thể, người ta có thể bỏ ra hàng trăm triệu đôla để giúp người nghèo nhưng vẫn không có giá trị bác ái, nếu chỉ làm để khoe khoang, để được tiếng hảo tâm, rộng lượng, hoặc để được an tâm che dấu những cách làm tiền thiếu công bình, đạo đức của mình. Ngược lại, chỉ cho ai một đồng bạc, một chén cơm, một ly nước lã. Nhưng với lòng mến Chúa và tin có Chúa hiện diện nơi những người nghèo đói nên muốn chia sẻ với họ theo khả năng của mình, thì vẫn có giá trị bác ái hơn người cho cả triệu đồng để giúp trẻ mồ côi, giúp xây nhà thương, nhà thờ nhà chùa, chỉ vì muốn khoe khoang hay muốn che mắt người đời về những cách làm giàu tội lỗi của mình như buôn bán gian lận, mở sòng bài bạc, sản xuất phim ảnh, sách báo dâm ô đồi trụy- và nhất là- buôn bán phụ nữ và trẻ em cho kỹ nghệ mãi dâm, ấu dâm (child prostitution) vô cùng khốn nạn như nhiều người đang làm hiện nay.

Tiền bạc của họ bỏ ra cho ai, nhờ cách kiếm tiền tội lỗi nói trên thì chắc chắn không thể biện minh cho việc làm vô luân vô đạo của họ được, và nhất là không giúp ích gì cho phần rỗi của họ sau này. Một chuyện có thật, đáng chú ý là cách nay 9 năm, một nhà thờ Tin lành ở Houston, Texas đã từ chối không nhận hai triệu đôla của một người đã trúng lô tô dăng cúng. Vị mục sư coi sóc nhà thờ ở đây đã không nhận số tiền trên vì cho rằng tiền đó là do cò bạc đem lại chứ không phải do công khó làm ra!

Trong nhãn giới này, không ai có thể mua Nước Trời, mua ơn cứu rỗi bằng tiền bạc được. Nghĩa là không thể bỏ hàng triệu bạc ra xin “lễ đời đời” hay “mua hậu” của những nơi buôn bán bán thánh để khoán trắng phần rỗi của mình cho người khác làm thay mà không cần có nỗ lực mến Chúa yêu người thực sự đi kèm. Nói rõ hơn, chỉ có sống đức tin đích thực là yêu mến Chúa hơn yêu tiền bạc và mọi thú vui vô luân vô đạo song song với đức ái nồng nàn, thì đó mới là phương thế hữu hiệu cho ta được cứu rỗi nhờ công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa Giê-su Kitô mà thôi.

Ước mong giải đáp trên thỏa mãn phần nào câu hỏi được đặt ra.

Lm Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huấn

[VỀ MỤC LỤC](#)

Đinh Quang Bàn

“Tôi có một giấc mơ” (I have a dream) là tên của một bài diễn thuyết nổi tiếng của Mục sư da đen Martin Luther King Jr. , nói về ước mơ của ông cho tương lai của nước [Mỹ](#), người da trắng và người da đen chung sống hoà thuận và bình đẳng, được đọc từ những bậc thềm của [Đài Tưởng niệm Lincoln](#) trong cuộc [Tuần hành đến Washington vì Việc làm và Tự do](#), cách đây đúng 50 năm:

“Tôi có một giấc mơ, rồi có một ngày khi đất nước này trỗi dậy để sống theo ý nghĩa thật của niềm xác tín của chính mình: “Chúng ta tin rằng chân lý này là đầy trọn, ấy là mọi người sinh ra đều bình đẳng”.

Tôi có một giấc mơ, rồi có một ngày trên những ngọn đồi đất đỏ của Georgia, con của nô lệ và con của chủ nô sẽ ngồi lại với nhau bên bàn ăn của tình huynh đệ.

Tôi có một giấc mơ, rồi có một ngày vùng đất hoang mạc Mississippi, bức bối vì hơi nóng của bất công và áp bức, sẽ chuyển mình để trở nên ốc đảo của tự do và công bằng.

Tôi có một giấc mơ, rồi có một ngày bốn con nhỏ của tôi sẽ sống trong một đất nước mà chúng không còn bị đánh giá bởi màu da, mà bởi tính cách của chúng.

Blogger Anh Vũ bình luận: “Giấc mơ của Martin Luther King Jr. năm ấy – đến nay là đúng 50 năm, [...] – thật tuyệt vời, chỉ nửa thế kỷ thôi mà những người da đen không chỉ được ngồi cùng bàn bình đẳng với những người da trắng, mà hơn thế, họ đã hoàn toàn có thể ước mơ trở thành tổng thống Mỹ, trở thành một Obama thứ hai. Dù là một người nước ngoài và không hề tôn sùng nước Mỹ, tôi cũng phải nghiêng mình kính phục một đất nước, một dân tộc luôn phấn đấu để nâng cao phẩm giá của con người, bất kể màu da, cội nguồn văn hóa, hay tôn giáo....”

Vị Tôi tớ Chúa Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận cũng có một giấc mơ về tương lai của Hội Thánh, được đọc trong Bài suy niệm thứ bốn Tuần Tĩnh Tâm đầu Mùa Chay Năm Thánh 2000 cho giáo triều Roma:

“Tôi mơ ước một Hội Thánh là **Cửa Thánh**, mở rộng, bao gồm mọi người, đầy lòng từ bi và cảm thông mọi cơ cực, đau khổ của nhân loại, và tìm cách an ủi họ.

Tôi mơ ước một Hội Thánh là **Lời Chúa**, phổ biến Sách Tin Mừng ra mọi phương trời, trong cử chỉ loan báo và tuân phục Lời Chúa, như một lời hứa của Giao Ước vĩnh cửu.

Tôi mơ ước một Hội Thánh là **Bánh**, Thánh Thể, muốn trở thành hồng ân và để cho mình được mọi người ăn, hầu cho thế giới được sự sống dồi dào.

Tôi mơ ước một Hội Thánh say mê **sự hiệp nhất** như Chúa Giêsu mong muốn (cf. Ga 17), như Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, người mở Cửa Thánh và cầu nguyện trên ngưỡng cửa rồi cùng tiến lên với một Đức Tổng Giám Mục Chính Thống Giáo và Đức Tổng Giám Mục Anh Giáo của giáo phận Canterbury, và nhiều vị đại diện khác.

Tôi mơ ước một Hội Thánh **trên đường lữ hành**, Dân Thiên Chúa theo sau Đức Giáo Hoàng mang Thánh Giá, tiến vào Đền Thờ Chúa, cầu nguyện và ca hát, hướng về Chúa Kitô Phục Sinh, là niềm Hy Vọng duy nhất và hướng về Mẹ Maria và tất cả các Thánh.

Và tôi ngưỡng mộ các anh em tôi thuộc các cơ quan khác nhau của Trung Ương Tòa Thánh, trong những giờ rảnh không phải làm việc tại văn phòng, đến giúp các cộng đoàn giáo xứ trong công việc mục vụ.

Tôi mơ ước một Hội Thánh mang trong tâm hồn lửa của Thánh Linh, và ở đâu có Thánh Linh, ở đó có tự do, và có đối thoại chân thành với thế giới, nhất là với giới trẻ, với những người nghèo, người sống ngoài lề, có sự nhận diện các dấu chỉ thời đại. Giáo huấn xã hội của Hội Thánh, dụng cụ rao giảng Tin Mừng (cf. Đức Gioan Phaolô II, *Centesimus Annus*, 54), hướng dẫn chúng ta trong việc nhận định những thay đổi trong xã hội ngày nay.

Tôi mơ ước một Hội Thánh là **Chứng Nhân của Hy Vọng và Tình Thương**, bằng những hành động cụ thể, như khi chúng ta thấy Đức Giáo Hoàng tiếp nhận tất cả mọi người: Chính thống, Anh giáo, Calvin, Luther... trong ơn thánh của Chúa Giêsu Kitô, tình thương của Chúa Cha và sự hiệp thông của Thánh Thần được sống trong kinh nguyện và trong sự khiêm tốn”.

Đức Thánh cha Phanxicô cũng nói đến giấc mơ của ngài về Hội Thánh trong Tông huấn *Evangelii Gaudium* vừa mới ban hành, mà ngài mở đầu như sau:

“Niềm vui Phúc Âm tràn ngập tâm hồn và toàn thể đời sống tất cả những ai gặp gỡ Đức Giêsu. Những ai chấp nhận để cho Người cứu độ thì được giải thoát khỏi tội lỗi, buồn sầu, sự trống rỗng nội tâm và cảnh cô lập. Có Đức Kitô, niềm vui luôn được tái sinh. Trong Tông huấn này, tôi muốn khuyến khích các Kitô hữu đi vào một chương mới của việc rao truyền Tin Mừng được đánh dấu bằng niềm vui này, trong khi chỉ ra những nẻo đường mới cho cuộc hành trình của Hội Thánh trong những năm tới” (1).

“Chương mới của việc rao truyền Tin Mừng” là gì? Có lẽ được diễn tả trong câu dưới đây, có thể xem là câu tóm lược toàn bộ văn kiện:

“Tôi mơ ước một ‘một chọn lựa truyền giáo’, nghĩa là một sức bật truyền giáo có khả năng biến đổi mọi sự, để những thói quen, những phương thức làm việc, các thời giờ và lịch biểu, ngôn ngữ, và các cơ cấu của Hội Thánh có thể trở thành một kênh thích hợp cho việc rao truyền Tin Mừng cho thế giới ngày nay, hơn là chỉ lo tự bảo quản” (27).

Đây là cả một chương trình lớn. Hội Thánh sẽ thôi co cụm, phòng thủ, mà sẽ bước ra khỏi pháo đài, ra khỏi boong ke, để đi ra ngoài đường phố: “Tôi muốn có một Hội Thánh bị bầm dập, tổn thương và bụi bặm vì đã đi ra ngoài đường phố, hơn là một Hội Thánh không khô khớp vì đóng khung, khư khư giữ lấy sự an toàn bản thân” (46).

Còn bạn, bạn có giấc mơ nào về quê hương Việt Nam, Hội Thánh Việt Nam và Hội Thánh toàn cầu?

VỀ MỤC LỤC

Ý NIỆM « SỐNG LẠI » CỦA CÁC VỊ GIÁO-PHỤ ĐẠO CHÚA GIÊSU TRONG BỐN THẾ KỶ ĐẦU KỶ NGUYÊN

Trần văn Toàn

0 - Đi vào vấn đề

Khi nói về quan niệm « sống lại » của các vị giáo-phụ đạo Chúa Giê-su, ta không thể không nói đến nội dung của đạo ấy và thân thế của vị giáo tổ. Nhưng vấn đề thật là quá mênh mông đối với phạm vi nhỏ hẹp của bài này. Vì thế, để đi vào vấn đề, ta chỉ nói đại ý như sau : quan niệm « sống lại » thì một phần là nối tiếp kinh nghiệm lịch sử cùng với tất cả những ước vọng

trong đạo Do-thái, một phần khác thì là khởi điểm cho một niềm tin mới về Thiên Chúa và về vận mệnh con người, làm cho người ta sống đạo theo một đường lối mới.

01 - Nói tiếp những ước vọng của đạo Do-thái

Niềm tin « sống lại » trong đạo Do-thái không phải là niềm tin rằng người ta, cũng như loài thảo mộc, tự nhiên chết đi rồi sống lại như trước. Nó là một mơ ước được sống vĩnh viễn với Đức Chúa. Mơ ước đó không phải tự nhiên mà có, cũng không phải là từ trời đem sẵn xuống như thế, vì nó đã biến chuyển nhiều.

Nền tảng cốt cán của nó là *có vị Thiên Chúa có quyền lực, lại quan tâm lo lắng cho vận mệnh con người có tự do*. Chứ vận mệnh con người không phải là do thần linh hay ma quái nào đùa bỡn mà nhào nặn ra, cũng không phải là do cái « máy trời » nào đó định hình một cách vừa tất nhiên vừa vô tình.

Cái nền tảng đó đã nhiều phen bị lung lay, vì *một là* người thời xưa chỉ biết có cuộc sống ở đời này mà thôi, *hai là* có những tai ương làm cho cá nhân cũng như dân tộc không còn thấy Thiên Chúa ra mặt lo lắng cho mình trong cuộc sống này. Chính vì nhớ đến những công việc lớn lao mà Thiên Chúa đã làm cho dân tộc khi trước, cho nên người ta vẫn còn giữ được niềm tin Thiên Chúa vừa có quyền lực vừa có từ tâm. Khi niềm tin chắc chắn như vậy lại gặp phải hoàn cảnh khốn cùng, người lành bị giết, quốc gia suy sụp, thì người ta mơ ước chắc là Thiên Chúa sẽ có lúc can thiệp, phục hồi lại trật tự, làm cho quốc gia được phục hưng, và làm cho những người vị nghĩa vong thân được sống lại. Niềm tin « sống lại » đã thành hình từ đó.

Niềm mơ ước đó vẫn tồn tại trong tâm hồn Do-thái từ thế kỷ VI trước TLKN, khi nước mắt nhà tan. Vì chắc chắn như thế cho nên đã có nhiều lần người tín hữu tưởng là niềm mơ ước đó sắp được thực hiện, nhưng rồi lại không thành.

Vào thời Đức Giê-su thì phong trào khai huyền rất thịnh, có người này người nọ cho rằng mình biết được những điều huyền bí và muốn xui giục người ta theo đó mà hoạt động. Họ nghĩ rằng cái cảnh quốc gia bị đàn áp, người công chính bị hại, chính là đã đến lúc Thiên Chúa sắp sửa can thiệp một cách lạ lùng vào thế cuộc để giải phóng cho dân thoát khỏi ách đế quốc Rô-ma, cũng như trong thời xa xưa Ngài đã giải phóng cho khỏi ách vua Ai-cập. Có một số lãnh tụ sốt ruột, muốn làm « cách mệnh », nghĩa là thay đổi ngay vận mệnh cho dân tộc, họ chủ trương rằng mình phải khởi sự khiêu chiến trước, rồi Đức Chúa mới ra tay đem thiên binh tiếp viện, cho nên họ đốc thúc nhau cầm khí giới chống lại đại binh Rô-ma. Nhưng không thành công : năm 70 sau TLKN đại tướng Ti-tô (Titus) hạ thành Giê-ru-sa-lem. Kháng chiến vẫn tiếp tục, cho đến năm 135 hoàng đế Rô-ma là Adrianus cho phá bình địa Giê-ru-sa-lem và cấm chỉ không cho người Do-thái vào thành nữa. Dân Do-thái mất nước là từ đấy, rồi bị di tản ra tứ phương trong 20 thế kỷ.

Không giải phóng bằng vũ lực được, phong trào khai huyền theo kiểu đó cũng dần dần nguội đi. Như thế phải chăng là Thiên Chúa có ý định khác ? Rất có thể là như thế.

Nhóm môn đồ đã đi theo và chia sẻ đời sống đi giảng dạy đó đây của Đức Giê-su, đã biết thân thể và sự nghiệp của ngài. Cho đến phút cuối cùng họ vẫn tưởng rằng ngài sẽ có thiên binh xuống giúp phục hưng lại quốc gia. Cho nên khi thấy ngài kết liễu cuộc đời bằng cái chết ô nhục, thì họ đã thất vọng, bỏ đi hết. Nhưng họ đã gặp một sự việc, một biến cố tuy rất là khó hiểu, nhưng đã làm cho họ đổi hẳn ý kiến : ngài đã « sống lại ». Tin như thế không phải là dễ, vì cũng phải khá nhiều ngày giờ họ mới tới được niềm xác tin đó. Từ đó họ thành những chứng nhân, đem thân ra chứng thực cho niềm tin mới. Họ nhận định rằng nước Chúa không phải là nước thế gian này.

02 - Niềm tin mới

Nền tảng của niềm tin mới là : « Chúa đã sống lại ». Thánh Phao-lô viết : « Nếu Đức Ki-tô đã không chỗi dậy thì lòng tin của anh em thật hão huyền (...) Nếu chúng ta đặt hi vọng vào Đức Ki-tô chỉ vì đời này mà thôi, thì chúng ta là những kẻ đáng thương hơn hết mọi người » (1 Cr 15, 17+19). Nên chú ý là ở đây hai chữ « sống lại » không có nghĩa là lại sống như cũ, nhưng phải hiểu hai chữ đó trong nghìn năm truyền thống tôn giáo Do-thái.

Xét theo niềm tin trong truyền thống tôn giáo của người Do-thái, thì cuộc đời và cái chết của Đức Giê-su có nhiều yếu tố làm cho có thể *hi vọng* rằng ngài sẽ được Thiên Chúa ra ân cho « sống lại ». Thực vậy, ngài là người công chính đã bị bắt bớ hành hạ, ngài là người tội tở của Thiên Chúa đã bị khổ nhục và bị giết.

Nhưng không phải chỉ có hi vọng mà thôi. Những sự việc mà các môn đồ đã chứng kiến sau cuộc tử nạn của thầy mình, đã làm cho họ thay đổi hẳn : thay vì sợ hãi trốn tránh, thì họ đã dám công nhiên tuyên bố rằng thời điểm Thiên Chúa ra ân nay đã đến, như Đức Giê-su đã báo trước. Họ tin rằng cái mà trước đó chỉ là một hi vọng – căn cứ vào Thiên Chúa có quyền lực và có từ tâm – thì nay đã được thực hiện : với những sự việc như thế họ tin rằng Đức Giê-su đã « sống lại » và nước của Đức Chúa đã đến. Ngoài từ ngữ « sống lại », họ còn dùng mấy từ ngữ khác đã có sẵn trong truyền thống tôn giáo của họ, như : « chỗi dậy », « lại đứng dậy », « được tôn vinh », « được nâng lên (tận trời) », « được biến hình », « được sống », « được sáng chói »[1].

Tuy vậy họ không coi nước của Đức Chúa như là một nước ở thế gian này, có quân đội có binh khí. Họ nhớ lại các lời giáo huấn của Đức Giê-su để hiểu cho ra thế nào là nước Chúa. Họ nhớ lại rằng ngài đã tự giới thiệu mình là « Con Người », hay là « Nhân Tử », là từ ngữ đã dùng trong sách của vị ngôn sứ Đa-ni-en để nói về một nhân vật sẽ từ trên trời xuống làm quan án phán xét muôn dân. Họ nhớ lại rằng ngài đã tuyên bố tha tội cho một số người có tội, làm cho giới hữu quyền trong tôn giáo thời đó cho là phạm thượng, vì chỉ có một Thiên Chúa là có quyền tha tội mà thôi. Đã thế, họ còn nhớ thêm nữa là ngài đã giải thích Thánh Kinh như thể chính ngài có quyền giải thích Lề Luật Chúa.

Và cứ so sánh sự việc « sống lại » sau khi chết với các hành vi và giáo huấn của Đức Giê-su lúc sinh thời, trước khi bị hành hình, rồi lại suy tư về các biến cố trong lịch sử dân Chúa, họ nhận ra rằng thân thế và sự nghiệp của ngài là một sự việc mới lạ và cao cả, mà Thiên Chúa đã làm cho dân riêng của Ngài. Sự việc đó mới mẻ và lạ lùng đến nỗi người ta nghĩ ngay đến câu Thánh-Kinh đã viết trong sách ngôn sứ I-sai-a, phần thứ ba : « Lạy Đức Chúa, (...) vì tình thương đối với tội tở là các chi tộc thuộc gia nghiệp của Ngài, xin Ngài mau trở lại. Trong một thời gian ngắn, dân thánh được thừa hưởng gia tài, nhưng thánh điện Ngài đã bị thù địch chúng con giày xéo ; (...) Phải chi Ngài xé trời mà ngự xuống, cho núi non rung chuyển trước Thánh Nhan (...) » (Is 63, 17-19). Rồi tự hỏi : Biết đâu chính Thiên Chúa đã xé trời mà ngự xuống ? Chẳng lẽ lại không có như thế được ?

Chính vì có chấp nhận như thế mà đạo Chúa Giê-su đã phát sinh ra. Và từ đây liên quan giữa người ta và Thiên Chúa đã hoàn toàn chuyển hướng.

Như ta biết, sự « sống lại » không phải là sự cá nhân lại sống lấy cho mình như cũ, nhưng là sống trong liên quan thân tình với Đức Chúa. Vậy nếu Đức Chúa đã xé trời mà xuống, thì liên quan với Đức Chúa tất nhiên phải là liên quan với Đức Chúa đã xuống thế làm người, đã dạy dỗ, đã bị tử hình và đã « sống lại », nghĩa là phải tích cực dần thân và tham gia vào nếp sống của Ngài.

03 - « Sống lại » là thế nào ?

Khi dùng hai chữ « sống lại », trí tưởng tượng của ta gợi ra nhiều hình ảnh, trí khôn của ta có thể tạo ra nhiều quan niệm. Người ta thường đặt câu hỏi về số phận dành cho thân xác.

Nhưng câu trả lời bao giờ cũng phải căn cứ vào những điều mà các chứng nhân đã chứng thực về sự « sống lại » của Đức Giê-su. Có một điều chắc, là các vị đó chứng thực là Ngài đã chết, và sau này *lại thấy Ngài sống*. Chứ không phải là *thấy Ngài sống lại*, vì thực ra không có ai thấy Ngài đang từ một tử thi nằm đó rồi dần dần hồi sinh, đứng dậy mà bước ra khỏi mộ như thế nào cả. Thấy Ngài sống, nhưng sống rất khác khi trước, rồi sau không thấy gì nữa. Sau đó thì cộng đoàn tín hữu, tức là giáo hội, có những buổi lễ kỷ niệm Ngài.

Khi nói đến việc « sống lại » của Đức Giê-su thì không có tác giả nào trong bộ Tân Ước dùng lối văn mô tả, mà chỉ dùng một vài ý niệm mà ta đã nhắc lại trước đây mà thôi, như : « được tôn vinh », « được nâng lên (tận trời) », « được biến hình », « được sống », « được sáng chói », vân vân (Xem ghi chú số 1). Cho nên khi nói về sự « sống lại » của người ta, thì cũng cần phải tránh không dùng bừa bãi những hình ảnh tưởng tượng để mô tả.

Cốt yếu là như thế. Nhưng trí tưởng tượng của con người ta vẫn hoạt động. Cái khó khăn là làm thế nào để nói lên một thực tại thuộc về thế giới bên kia mà ta chưa bao giờ mắt thấy tai nghe, làm thế nào để nói lên mối liên quan với vị Thiên Chúa mà ta không thể thấy được.

Còn cái khó khăn thứ hai mà các vị giáo-phụ phải đương đầu là khi đạo Chúa được truyền bá ra bên ngoài văn hóa Do-thái vào đất Hi-lạp, thì người Hi-lạp đã có một truyền thống triết học với những ý niệm và cách lập vấn rất tinh vi, cho nên họ thường không tin bất cứ ai nói gì, nhưng đứng trong lập trường triết học của họ mà cãi lý cho đến lúc hiểu cho rõ thì mới chấp nhận. Vấn đề quan trọng bậc nhất là phiên dịch – ta biết là bộ Tân Ước được viết bằng tiếng Hi-lạp –, phải tìm trong các từ ngữ và trong cách đặt câu, cách lập luận của người Hi-lạp, những kiểu nói để giảng giải những ý niệm và những quan niệm đã được thành hình trong mười thế kỷ. Phiên dịch là một việc rất khó, thường thì các quan niệm được chuyển sang văn hóa khác, đều có trệch đi ít nhiều : nếu sai lạc đi thì phải biết mà tránh, nếu làm cho quan niệm ấy được rõ ràng hơn và phong phú hơn thì phải giữ lấy. Đó chính là vấn đề hội nhập văn hóa, cần phải giải quyết mỗi khi đạo Chúa được truyền bá vào một văn hóa mới, như An độ, Trung hoa, Việt Nam, v.v.

Bước đi vào văn hóa Hi-lạp đã làm cho đạo Chúa va chạm, rồi sát cánh với lý luận triết học. Từ đó đã nảy ra một nền thần học rất phong phú. Dĩ nhiên là trong khi tiếp xúc với các văn hóa khác, thần học cũng sẽ có một sắc thái mới và phong phú hơn.

Sau đây, khi bàn về các vị giáo phụ, ta sẽ xem nhân sinh quan của các vị đó có nội dung ra sao, và từ đó các ngài đã giải thích quan niệm « sống lại » như thế nào.

1 - Nhân sinh quan của các vị giáo phụ

10 – Thất bại là một bài học

Trước khi trình bày quan niệm của các vị giáo phụ về con người, thiết tưởng cũng nên nhắc lại một câu chuyện hi hữu, để ta thấy rõ tầm quan trọng của sự hiểu biết nhân sinh quan của văn hóa khác, khi ta muốn hội nhập văn hóa. Câu chuyện đã được kể lại trong *Sách Công Vụ Tông Đồ*, chương 17, câu 22-32. Đại ý là kể chuyện ông Phao-lô đọc diễn từ trước hội đồng A-rê-ô-pa-gô tại A-then. Ông kể lại lịch trình của đạo Chúa, và khi nói đến Đức Giê-su (nhưng chưa xưng tên ngài ra), ông nói : « Bây giờ Người (Thiên Chúa) truyền cho người ta rằng mọi người ở mọi nơi phải sám hối, vì Người đã ấn định một ngày để xét xử thiên hạ theo công lý, nhờ một người mà Người đã chỉ định. Để bảo đảm điều ấy với mọi người, Thiên Chúa đã làm cho vị này sống lại từ cõi chết ». Vừa nghe nói đến người chết sống lại, kẻ thì nhạo cười, kẻ thì nói : « Để khi khác chúng tôi sẽ nghe ông nói về vấn đề ấy ». Thế là ông Phao-lô bỏ họ mà đi (Xem Cv 17, 30-33).

Câu truyện đã như thế thì phải thế. Thất bại ấy cũng dễ hiểu lắm. Vì một đằng thì ông Phao-lô chưa có thì giờ để giải thích tỉ mỉ, như sau này sẽ viết trong *Thư I gửi tín hữu Cô-rin-tô* (chương 15, có tới gần sáu mươi câu). Đằng khác, theo nhân sinh quan khá thông thường của người Hi-lạp thời ấy thì con người có hai thành phần : linh hồn và thân xác. Linh hồn là chính bản thân người ta, có đặc tính là bất tử, nhưng lại bị giam trong khối vật chất hay hư nát là cái thân xác (sôma), cũng như bị giam lỏng trong cái mộ (sêma) và chờ ngày thoát ra ngoài. Vì thế nếu bảo rằng linh hồn sẽ bất tử thì họ không lấy gì làm lạ, nhưng nếu bảo rằng thân xác sẽ sống lại thì họ cho là không nghe được. Có thể thôi.

Cũng rất có thể là vào thời gian đó Phao-lô cũng chưa biết phải giải thích thế nào cho ổn, vì trong tư tưởng Do-thái, sự « sống lại », như đã nói lên trong *Sách Ma-ca-bê*, mới chỉ là một ước vọng căn cứ vào niềm tin Thiên Chúa có quyền lực ; còn sự thực ra sao thì lúc đó chỉ có một số môn đồ đã chứng thực về việc Đức Giê-su đã « sống lại », nhưng chưa ai biết phải nói lên kinh nghiệm đó thế nào cho rõ bằng từ ngữ Hi-lạp, để người được nghe có thể cho là nghe được.

Bài học đó cho Phao-lô thấy rằng giảng thuyết cho những người khôn ngoan lấy lý trí mà suy xét thì có phần khó khăn. Cho nên ông đã bỏ đi. Sau này trong *Thư I gửi tín hữu Cô-rin-tô* ông viết : « Chúng tôi lại rao giảng một Đấng Ki-tô bị đóng đinh, điều mà người Do-thái coi là ô nhục không thể chấp nhận, và dân ngoại cho là điên rồ. (...) Cái điên rồ của Thiên Chúa còn hơn cái khôn ngoan của loài người, và cái yếu đuối của Thiên Chúa còn hơn cái mạnh mẽ của loài người » (1, 23-25).

Tuy vậy bài học đó càng làm cho môn đệ Chúa Giê-su thấy cần phải lựa lời mà nói với giới trí thức, như có viết trong *Thư I của thánh Phê-rô* : « Hãy luôn luôn sẵn sàng trả lời cho bất cứ ai chất vấn anh em về niềm hi vọng của anh em, nhưng phải trả lời cách hiền hòa và với sự kính trọng » (3, 15-16). Có thể nói câu đó là hiến chương cho khoa thần học, và cũng là mở đầu cho việc hội nhập văn hóa.

11 – Nhân sinh quan trong triết học Hi-lạp

Các vị giáo phụ đầu tiên đã giảng thuyết và trước tác bằng tiếng Hi-lạp. Văn hóa của họ là văn hóa Hi-lạp. Nhưng nhân sinh quan của người Hi-lạp – cũng như của người Do-thái – lại có nhiều thứ. Vào mấy thế kỷ thời đầu Tây lịch kỷ nguyên thì, về triết học, ngoài hai học phái lớn vẫn còn ảnh hưởng, là học phái Platôn và học phái Aristoteles ra, còn ba học phái khác là : phái hoài nghi của Pyrrhon, phái duy lạc của Epicuros và phái khắc kỷ (Stoa). Các giáo phụ là những người có lập trường, cho nên không theo phái hoài nghi, lại có đời sống tinh thần sâu xa, cho nên không theo phái duy lạc. Vì thế tư tưởng các vị đó thường đi theo học phái khắc kỷ như nhiều người đương thời. Cho đến thời giáo phụ Ô-ri-ghe-nê (thế kỷ II-III) thì chuyển trở về nhân sinh quan của triết gia Platôn[2].

Theo như học giả Joseph A. Fischer[3], thì có ba lý do làm cho các vị đó chọn lấy nhân sinh quan của Platôn : *một là* vì không muốn đi theo hình thức bình dân của hai nhân sinh quan duy lạc và khắc kỷ, vì hai học phái này cho rằng người ta chết đi thì không còn gì nữa. *Hai là* vì không muốn lấy lại nhân sinh quan quá thô sơ của người Do-thái, cho rằng chết đi thì hồn xác không có phân biệt và chỉ còn như cái bóng thiếu hẳn sinh lực. *Ba là* vì có theo nhân sinh quan của Platôn, có phân biệt xác với hồn thì khi bàn về cánh-chung-luận mới giải thích được vận mệnh của cá nhân.

Nói một cách chung chung thì đại khái đa số các vị giáo phụ quan niệm con người như sau : người ta có hai phần là linh hồn và thân xác, và – như ta đã học trong sách Bôn – chết là linh hồn ra khỏi xác. Tuy vậy các giáo phụ cũng không theo hẳn nhân sinh quan của Platôn vì nó có tính cách nhị nguyên quá khích : Platôn chủ trương rằng chỉ có linh hồn khi trút bỏ được thân xác mà sống biệt lập mới thực là người. Trái lại, các vị đó công nhận rằng thân xác không

phải là vật chất xấu xa, nhưng đã do Thiên Chúa tạo nên, đã được hợp làm một với linh hồn và sẽ được « sống lại ». Như thế nghĩa là tuy cái chết có làm cho bản thân con người thay đổi triệt để, nhưng chết không phải là hết hẳn không còn gì nữa. Quan niệm này vẫn còn được duy trì không những trong triết học kinh viện (scolastique) thời Trung Cổ[4], mà cả trong tâm thức người theo đạo Chúa Giê-su cho đến ngày nay nữa.

Vấn biết là muốn tìm cơ sở triết học cho câu quyết đoán đó thì cũng không phải là dễ. Nhưng nếu lấy lẽ rằng : sự « sống lại » không có liên quan gì đến việc linh hồn cứ tồn tại mãi vì là bất tử, để quả quyết rằng chết là hết cả[5], thì việc minh chứng cho ra lẽ chưa chắc đã dễ hơn. Có điều là khi quả quyết rằng chết là hết cả, thì tức là đứng trong lập trường của Epicuros. Nhưng nhân sinh quan của đạo Thiên Chúa rất khác nhân sinh quan của Epicuros.

12 – Nhân sinh quan của đạo Chúa Giê-su

Nếu nhân sinh quan của triết học cho biết con người nhận định về chính mình như thế nào, thì nhân sinh quan tôn giáo của đạo Chúa Giê-su cho biết nhận định của Thiên Chúa về con người và dự định của Ngài về vận mệnh con người. Vì thế nếu ta tin chắc rằng chết không phải là hết tất cả, thì đó không phải hoàn toàn là do những suy luận triết học, nhưng là do Thiên Chúa cho ta biết và đề nghị cho ta tự do chấp nhận[6].

Nhân sinh quan đó, các vị giáo phụ đã chấp nhận và truyền lại cho hậu thế. Nhưng vấn đề khó khăn là người chung quanh lại có những nhân sinh quan khác. Dĩ nhiên là các vị đó không theo nhân sinh quan của Epicuros, vì nó không hợp được với niềm tin của mình. Tuy nhiên các vị đó đã căn cứ vào niềm tin của mình mà chọn trong những nhân sinh quan của người đương thời cái nào không đối nghịch với niềm tin. Vì vậy, như đã nói trên đây, các vị đã theo phái khác kỹ, rời từ Ô-ri-ghe-nê trở đi thì theo học phái Platôn. Nên biết rằng Ô-ri-ghe-nê chủ trương theo như Platôn rằng các linh hồn bất tử đã có sẵn từ muôn thuở trước khi vào trong thân xác, nhưng thánh I-rê-nê (thành Lyon) lại dạy rằng chỉ có một Thiên Chúa là có tính bất tử, còn con người ta thì không có tính bất tử, nhưng có thể được Chúa cho bất tử [7].

Quan niệm triết học nhị nguyên trong đạo Chúa Giê-su, bắt đầu từ Ô-ri-ghe-nê, đã có ảnh hưởng nhiều đến môn Ki-tô-học, đến quan niệm « Chúa xuống thế làm người », đến quan niệm Chúa Cứu thế cứu độ loài người, và đến quan niệm con người ta được « sống lại ».

Tuy nhiên không thể trách cứ giáo hội thời đó là đã bóp méo niềm tin trong Thánh-Kinh để có thể đem ra trình bày bằng những ý niệm Hi-lạp, trong khuôn khổ nhân sinh quan nhị nguyên. Vì thực ra truyền bá niềm tin không có nghĩa là truyền bá nhân sinh quan riêng của một nền văn hóa nào cả. Đức tin đã thành hình trong nhân sinh quan Do-thái, với những ý niệm riêng của người Do-thái. Nhưng nếu muốn giải thích cho người Hi-lạp hiểu được, thì bó buộc phải dùng đến từ ngữ, ý niệm và nhân sinh quan của Hi-lạp. Có thể thôi.

Nên chú ý : hội nhập văn hóa như thế bao giờ cũng là trao đổi văn hóa, vì những từ ngữ Hi-lạp – cũng như Trung hoa, An độ, hay Việt Nam sau này – cũng bó buộc phải có thêm ý nghĩa mới để diễn tả những ý niệm và những quan niệm trước đây mình không có, nhưng đã từ văn hóa khác mà du nhập vào. Ví dụ như ý niệm « tạo thiên lập địa » (création), ý niệm « nhân vị » (personne)[8] đã từ lãnh vực tôn giáo chuyển sang lãnh vực triết học, làm cho người ta có thêm một cái nhìn mới mẻ về con người.

Bây giờ ta xem trong khuôn khổ nhân sinh quan vừa nói trên đây, các vị giáo phụ đã trình bày niềm tin « sống lại » như thế nào.

(Còn tiếp)

[1] Tiếng Pháp là : *résurrection, exaltation, élévation, glorification, transfiguration, vie, lumière.*

[2] Xem : Michel Spanneut (cựu giáo sư đại học công giáo Lille), *Le stoicisme des Pères de l'Eglise, de Clément de Rome à Clément d'Alexandrie*, Paris, 1957.

[3] *Studium zum Todesgedanken in der alten Kirche ; Die Beurteilung des natuerlichen Todes in der kirchlichen Literatur der ersten drei Jahrhunderte*, Muenchen, 1954, tập I, tr 38-39.

[4] Xem : Richard Heinzmann, *Die Unsterblichkeit der Seele und die Auferstehung des Leibes. Eine problemgeschichtliche Untersuchung der fruehscholastischen Sentenzen- und Summenliteratur von Anselm von Laon bis Wilhelm von Auxerre*, Muenster, 1965, tr 246 : « Triết học kinh viện buổi đầu không có bao giờ chủ trương người ta chết đi là hết tất cả ».

[5] Xem Roger Mehl, *Le vieillissement et la mort*, Paris, 1962, tr 74-75. Quan niệm này của Roger Mehl cũng là quan niệm của đa số các nhà thần học của giáo phái Tin lành gần đây. Richard Heinzmann, trong *Sách đã dẫn*, tr 1, có viết : « Xét về mặt triết học và thần học thì thần học Tin lành gần đây chủ trương rằng con người chết đi là hết tất cả ». Cho nên Roger Mehl nói về sự con người ta được sống lại như sau : « Khi Thiên Chúa cho người chết được sống lại, thì thấy họ không còn có gì để làm khởi điểm cho cuộc sống mới. Chính vì họ đã hoàn toàn chết, cho nên Thiên Chúa tái tạo ra họ một lần nữa » (tr 75).

[6] R. Heinzmann, *Sđđ*, tr 246.

[7] Xem J.A. Fischer, *Sđđ*, tr 219-220

[8] Từ ngữ « personne » (persona) rất là khó phiên dịch. Người Trung hoa dịch là « vị », như trong câu « Thiên Chủ nhất thể tam vị ». Chúng ta dịch là « ngôi », là « nhân vị », là « cá vị » thì vẫn thấy là không chính. Chữ « ngôi » thì nay bên ngoài giới công giáo ra ta quen dùng trong văn phạm. Nhưng tôi vẫn chưa hiểu vì sao người công giáo thế kỷ XVII lại dịch là « ngôi » và khi viết ra chữ Nôm thì viết chữ « sơn » trên chữ « quỉ ». Còn chữ « nhân vị » thì chỉ có thể dùng để nói về người ta mà thôi. Chữ « cá vị » thì có nghĩa trông trống, gần như « đơn vị ».

VỀ MỤC LỤC

ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN - VỀ GIÁO LÝ VÀ NHÂN ĐỨC CỦA TÔN GIÁO

VẤN ĐỀ 17: *Tôn giáo chủ trương những giáo thuyết phản tiến bộ, đi ngược lại quyền lợi của lớp người nghèo khổ. Tôn giáo giảng dạy sự hèn nhát, sự tự khinh, sự ti tiện, sự sỉ nhục, sự phục tùng... là những tính nết của loài vật (Mega I,6 trang 278).*

TRẢ LỜI:

Đây chẳng qua chỉ là những bài bác mang tính chủ quan, thiên kiến và sai lầm như sau:

1. Ki-tô giáo không phản tiến bộ, mà trái lại đã chiếu ánh sáng văn minh cho nhân loại:

Thực vậy, lịch sử các nước văn minh giàu mạnh ngày nay đã cho thấy: hầu như bất cứ ở đâu, khi người ta mở lòng đón nhận đức tin Ki-tô giáo, thì ở đó ánh sáng văn minh cũng ngự trị thay thế cho tình trạng tối tăm lạc hậu kém văn minh. Nhờ Thánh Kinh và giáo lý mới đem lại sự tiến bộ cho nhân loại về các lãnh vực như khoa học, văn hóa, luân lý như sau:

- **Tiến bộ về khoa học:** những phát minh khoa học, kỹ thuật tân tiến hiện đại hầu hết đều do các nhà bác học là tín đồ Ki-tô giáo cống hiến cho nhân loại. Trong số các khoa học gia thế kỷ 19, có tới 92% có đức tin vào Thiên Chúa là Đấng tạo thành vũ trụ vạn vật. Cũng nhờ ánh sáng đức tin soi dẫn, các vị này đã say mê tìm hiểu những kỳ công của Tạo Hóa và đã khám phá ra những định luật chi phối vũ trụ thiên nhiên, những máy móc phục vụ hạnh phúc con người theo lệnh truyền của Thiên Chúa sáng tạo như sách Sáng Thế đã ghi lại như sau: “Thiên Chúa ban phúc lành cho họ và Thiên Chúa phán với họ: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời và mọi giống vật bò trên mặt đất” (St 1,28).

- **Tiến bộ về văn hóa:** Mỗi khi Tin Mừng loan truyền đến đâu, thì cũng tác động về phong hóa đến đó. Những hủ tục lạc hậu của các dân tộc bán khai như: Tảo hôn, giết người tế thần... đã dần dần bị đào thải khi họ được tiếp xúc với các nhà thừa sai truyền giáo và được học hỏi giáo lý đức tin. Nền văn minh Ki-tô giáo cũng đã cống hiến cho kho tàng nghệ thuật của nhân loại những tác phẩm sáng giá nhất về mọi phương diện: hội họa, điêu khắc, kiến trúc, văn chương, thi phú, âm nhạc... và rất nhiều tác phẩm nghệ thuật thánh của tôn giáo hiện nay vẫn đang được lưu giữ trưng bày tại hầu hết các viện bảo tàng nổi tiếng nhất thế giới như: Vatican, Louvre, Metropolitan, Prado, Smithsonitan...

- **Tiến bộ về luân lý:** Giáo lý tình thương của Ki-tô giáo đề cao công bằng vị tha bác ái đã ảnh hưởng rất nhiều đến cách ứng xử giữa người với người, đến các chủ nghĩa tốt đẹp trên thế giới, đến các luật pháp quốc gia và các hiến chương tuyên ngôn quốc tế...

Như vậy, có thể nói: hầu như mọi lãnh vực của nền văn minh nhân loại đều bắt nguồn từ người tín hữu hoặc đều chịu ảnh hưởng sâu đậm của giáo thuyết Ki-tô giáo.

2. Giáo lý Ki-tô giáo không những không đi ngược lại quyền lợi của người nghèo, mà trái lại: chính giáo lý này đã mạnh mẽ bênh vực những người xấu số cách hữu hiệu nhất.

Thực vậy, Thánh Kinh Ki-tô giáo là một thông điệp của tình thương. Trong bản Hiến Chương Nước Trời do Đức Giê-su công bố, các người nghèo khổ được Chúa ưu tiên quan tâm và ban ơn cứu độ:

1) Thái độ của Đức Giê-su về vấn đề của cải và sự giàu nghèo:

-Trong Tám Mối Phúc, Đức Giê-su đề cao người nghèo: **“Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ”** (Mt 5,3). Tin Mừng Lu-ca đã ghi lại lời Đức Giê-su quyết liệt hơn: **“Phúc cho anh em là những kẻ nghèo khó, vì Nước Thiên Chúa là của anh em”** (Lc 6,20), và **“Khốn cho các người là những kẻ giàu có, vì các người đã được phần an ủi của mình rồi”** (Lc 6,24).

-Đức Giê-su đã dạy môn đệ về **thái độ phải có đối với của cải tiền bạc** như sau: **“Những người có của thì khó vào Nước Thiên Chúa biết bao!** Nghe Người nói thế, các môn đệ sửng sờ. Nhưng Người lại tiếp: **“Các con ơi, vào được Nước Thiên Chúa thật khó biết bao ! Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa”.** Các ông lại càng sửng sốt hơn nữa và nói với nhau: **“Thế thì ai có thể được cứu ?”** Đức Giê-su nhìn thẳng vào các ông và nói: **“Đối với loài người thì không thể được, nhưng đối với Thiên Chúa thì không phải thế, vì đối với Thiên Chúa mọi sự đều có thể được”** (Mc 10,23-27).

-Đức Ma-ri-a trong kinh Ngợi Khen cũng đã ca tụng tình thương cứu độ của Thiên Chúa dành cho người nghèo như sau: **“Kẻ đói nghèo Chúa ban của đầy dư, người giàu có lại đuổi về tay trắng”** (Lc 1,58).

-Thánh Gia-cô-bê cũng cho biết Chúa sẽ **bù đắp những thiệt thòi mà người nghèo phải chịu** bằng việc ưu tiên ban đức tin và ơn cứu độ như sau: “Nào Thiên Chúa đã chẳng chọn những **kẻ nghèo khổ** trước mặt người đời, để họ **trở nên người giàu đức tin và thừa hưởng vương quốc** Người đã hứa cho những ai yêu mến Người hay sao ?” (Gc 2,5).

2) Đức Giê-su cổ võ sự công chính và dạy các môn đệ phải tha thứ:

-**Cần ăn ở công bình ở đời này**, để tránh khỏi phải đền trả ở đời sau: “Thầy bảo thật cho anh biết: Anh sẽ không ra khỏi đó, trước khi trả hết đồng xu cuối cùng” (Mt 5,26).

-**Cần chu toàn cả hai bổn phận với Thiên Chúa và tha nhân**: “Thế thì của Xê-da trả về Xê-da; của Thiên Chúa trả về Thiên Chúa” (Mt 22,21).

-**Cần biết quảng đại tha thứ**: Trong kinh Lạy Cha, Đức Giê-su dạy môn đệ cầu xin Thiên Chúa tha tội với điều kiện họ phải sẵn sàng tha lỗi cho anh em: “Và tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con”. Người cũng giải thích thêm: “Thật vậy, nếu anh em tha lỗi cho người ta, thì Cha anh em trên trời cũng sẽ tha thứ cho anh em. Nhưng nếu anh em không tha thứ cho người ta, thì Cha anh em cũng sẽ không tha lỗi cho anh em” (Mt 6,12).

3) Đức Giê-su bênh vực quyền lợi của người phụ nữ trong xã hội:

-**Phụ nữ được Thiên Chúa dựng nên ngang hàng với nam giới** khác với lập trường cho rằng phụ nữ ở bậc thấp hơn nam giới và phải hoàn toàn lệ thuộc vào nam giới: Đức Giê-su nói: “Các ông không đọc thấy điều này sao?: Thuở ban đầu, **Đấng Tạo Hóa đã làm ra con người có nam có nữ**, và người đã phán: “Vi thế, người ta sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt”. Như vậy, họ không còn là hai, nhưng **chỉ là một xương một thịt**. Vậy sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly” (Mt 19,4-6).

-**Người cũng rút lại luật cho phép ly hôn trong thời Cựu Ước**: Khi ấy, những người biệt phái đến gần và hỏi thử Chúa Giê-su rằng: Người ta có được phép ly dị vợ mình chẳng?” Người đáp: Mô-se đã truyền cho các ông thế nào? Họ thưa: “Mô-sê cho phép làm giấy ly dị và cho ly dị”. Bấy giờ Chúa Giê-su đáp lại: “**Chính vì sự cứng lòng của các ông, mà Mô-sê đã viết ra điều luật đó. Nhưng lúc khởi đầu cuộc sáng tạo, Thiên Chúa đã dựng nên một người nam và một người nữ. Vậy sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly**” (Mc 10,2-9).

4) Đức Giê-su chống lại những bất công xã hội và đề cao sự khiêm nhường phục vụ cùng sự quảng đại chia sẻ cơm áo cho người nghèo:

-Người nói với các người Pha-ri-sêu **tranh giành chỗ ngồi** phải biết khiêm tốn khi được mời tham dự liên hoan: “Vi phạm ai tôn mình lên sẽ bị hạ xuống; còn **ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên**” (Lc 14,11).

-Người cũng yêu thương chàng thanh niên **giàu có muốn nên trọn lành** và dạy anh ta sự quảng đại chia sẻ: “Anh chỉ thiếu có một điều là hãy đi bán những gì anh có mà **cho người nghèo**, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy **đến theo tôi**” (Mc 10,21).

5) Đức Giê-su khuyên dạy môn đệ phải có lòng bác ái, thương yêu những người **nghèo khổ, khuyết tật, bất hạnh và bị bỏ rơi**, vì ý thức rằng phục vụ họ là phục vụ chính Chúa. Sau đây là một số lời Đức Giê-su dạy đức yêu người:

-**Yêu người như yêu mình**: “Người phải yêu người thân cận như chính mình” (Mt 22,39).

-Yêu thương lẫn nhau là dấu hiệu môn đệ thực sự của Chúa: “Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau. Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 13,34).

-Yêu người nghèo khổ vì họ là hiện thân của Chúa: Đến ngày tận thế, Chúa Giê-su sẽ tái lâm trong vai trò Vua Thẩm Phán đến phán xét chung mọi người về như sau: Bấy giờ Đức Vua sẽ bảo họ rằng: “Ta bảo thật các ngươi: **Mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy**” (Mt 25,40).

3. Những điều tôn giáo đề cao như: Khiêm tốn phục vụ tha nhân; Làm chủ các dục vọng xấu và các thói hư; **Lấy đức báo oán:** đối xử khoan dung nhân hậu với những kẻ thù ghét làm hại mình, để biến thù thành bạn; **Can đảm chịu đựng những đau khổ** gặp phải trong cuộc sống; **Vâng phục quyền bính hợp pháp trong đạo ngoài đời...** Tất cả những điều này đều không phải là những điều tiêu cực, là những tính nết của loài vật... như có người đã kích. Trái lại, đây còn là những **nhân đức anh hùng** mà những kẻ tầm thường không thể thực hiện được, nhưng chỉ những ai có đức tin **mạnh mẽ can đảm, vững tâm bền chí, thánh thiện nhân ái...** mới có thể làm được mà thôi.

Còn những người **tự cao tự đại, thiếu sự kiên nhẫn chịu đựng, dễ bất mãn nổi loạn** do lòng tham lam bất chính thôi thúc... Đó mới thực là những lý thuyết **phản tiến bộ, đi ngược lại quyền lợi của lớp người nghèo khổ**, và mới cần được kiểm chế loại trừ.

TÓM LẠI: Ki-tô giáo không những không phản tiến bộ, trái lại đã đem ánh sáng văn minh đến cho nhân loại về mọi phương diện: khoa học, văn hóa, luân lý... Giáo lý Ki-tô giáo dạy không những không đi ngược lại quyền lợi của người nghèo, mà trái lại còn bênh vực lớp người xấu số bất hạnh một cách mạnh mẽ và hữu hiệu nhất. Những điều tôn giáo đề cao như: sự **khiêm tốn phục vụ, hãm dẹp các dục vọng thói hư, lấy thiện báo ác, nhẫn nhịn chịu đựng** các khó khăn gặp phải, **vâng phục quyền bính đạo đời...** Tất cả đều được mọi người công nhận là tốt và cần được thực hiện. Như vậy, những lời chỉ trích tôn giáo nói trên đều sai lầm, chủ quan và đầy thiên kiến... nên các tín hữu chúng ta không cần phải quan tâm.

PHÚT HỒI TÂM:

LỜI CHÚA:

“Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau. Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em. Ở điểm này, mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy: Là anh em có lòng yêu thương nhau” (Ga 13,34-35).

CẦU NGUYỆN:

Lạy Chúa Giê-su. Xin cho mỗi tín hữu chúng con biết giới thiệu khuôn mặt khiêm tốn hiền hòa của Chúa cho tha nhân chưa nhận biết Chúa. Xin cho chúng con biết sống yêu thương phục vụ Chúa trong mọi người như lời Chúa dạy, được thánh Phan-xi-cô tóm lại trong kinh Hòa Bình, để chúng con tích cực làm chứng cho Chúa và xứng đáng trở thành môn đệ thực sự của Chúa như lời Chúa dạy hôm nay: “Ở điểm này, mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy: Là anh em có lòng yêu thương nhau” (Ga 13,35).

SỐNG LÀ CHUẨN BỊ CHẾT

Lm. Lê văn Quảng

Suy tư về cái chết là suy tư về cái sống. Chết là một phần của sự sống bởi lẽ trong sự sống đã có sự chết. Nó là cánh cửa nối liền hai thế giới như cửa sông đưa dòng nước vào nguồn biển rộng mênh mông. Nó là người bạn trung thành nhất của chúng ta. Nó là người bạn duy nhất không bao giờ quên chúng ta và nó có thể đến viếng thăm chúng ta bất cứ lúc nào, vào sáng sớm tinh sương hay vào lúc đã về xế chiều.

Chúng ta không cần nói đến những cái chết đến với chúng ta từ những nguyên nhân bên ngoài như do tai nạn, sự ám sát, hay một nguyên nhân nào khác không cần biết. Chỉ cần nói sự chết đang nằm sẵn trong bản tính con người chúng ta. Như một hoa trái đang chín dần, mỗi ngày sống là một bước đi chúng ta đang tiến dần về với cái chết đang chờ đợi mỗi người chúng ta.

Bên cạnh đó, trong cuộc sống hàng ngày cũng còn có rất nhiều những mất mát, những thua thiệt khiến chúng ta cũng đã chết đi phần nào trong con người chúng ta, nhưng thông thường chúng ta không để ý đến như mỗi khi chúng ta phải lựa chọn hay mỗi khi phải ra đi. Mỗi lúc lựa chọn là mỗi lúc phải quyết định từ bỏ. Từ bỏ khiến chúng ta phải mất đi một phần những cái thuộc về chúng ta và điều đó làm chúng ta đau khổ và chết đi không ít. Mỗi khi chúng ta phải lên đường ra đi vì công việc hay vì cuộc sống cũng vậy. Chúng ta phải dứt bỏ tình cảm quen thuộc, dứt bỏ sự quyến luyến tự nhiên mà một khi đã quen nhau chỉ muốn ở gần nhau. Sự ra đi lúc này quả thật là một sự thương đau và cũng là một sự chết đi trong lòng không ít cho người phải ra đi, vì không có ra đi nào không làm lòng mình tê tái, cũng không có ra đi nào không để lại nỗi nhớ thương.

Nhưng chưa hết, không phải chỉ lúc chúng ta ra đi chúng ta mới cảm thấy đau thương mà cả sự ra đi của những người thân yêu chúng ta cũng để lại những cảm giác thương đau rất nhiều. Mỗi người chúng ta thấy đều có kinh nghiệm này: cứ mỗi lần có một người bạn thân hay một người trong gia đình chúng ta vĩnh viễn ra đi, chúng ta thấy gì trong con người chúng ta? Chúng ta cảm thấy con người chúng ta cũng chết đi với họ, khiến chúng ta thấy mất hẳn sinh lực, mất hẳn tinh thần, cũng như mất hẳn niềm vui để sống.

Cứ theo định luật tự nhiên, con người được sinh ra, lớn lên, già đi và chết. Đó là định luật chung của con người. Không ai có thể sống mãi mà không chết ngay dầu các vua chúa ngày xưa đã cố gắng đi tìm thuốc trường sinh bất tử nhưng họ cũng không tránh khỏi định luật khắc nghiệt ấy. Vì thế, chối từ sự chết là lừa dối chính mình. Để sống cách trọn vẹn, người ta phải can đảm chấp nhận sự sống lẫn sự chết. Sự sống quá tự nhiên đến nỗi chúng ta không nghĩ đến ngày nó kết thúc.

Thái độ của con người đối với sự chết luôn là một sự giằng co giữa sự lồi cuốn và sự khước từ. Mọi người đều nhận ra rằng sự sống là mỏng manh, là ngắn ngủi và nó có thể kết thúc bất cứ lúc nào.

Chính những tư tưởng về sự chết đưa chúng ta đến vấn nạn này: cái gì là chính yếu, là trường cửu đối với con người chúng ta? Chúng ta cần phải làm gì để đối đầu với cái chết đang đến với chúng ta? Vì thế, phản ảnh về sự chết là học cách chúng ta phải sống hôm nay.

Người xưa đã sống đời sống như có một sự sống khác quan trọng hơn là cuộc sống ở đây và bây giờ, khiến họ sống cách xa cuộc sống hiện tại. Nhưng đối với giới trẻ hôm nay, họ không thể chấp nhận cuộc sống như thế.

Thật vậy, nếu chối từ cuộc sống chúng ta đang sống hiện tại hoặc chỉ chú trọng đến cuộc sống hôm nay mà không nghĩ đến ngày mai chúng ta sẽ chết, cả hai đều không thực tế.

Vì thế, một số các nhà tâm lý học có khuynh hướng Kitô giáo hiện đại đang có khuynh hướng này: sống là chuẩn bị cho con người đi về với cái chết. Chính tư tưởng này đã giúp rất nhiều người thoát khỏi khủng hoảng trầm trọng khi con người đối diện với cái chết, và nhờ đó cũng đã giúp nhiều người chuẩn bị sẵn sàng để lên đường ra đi cách an bình về với Thiên Chúa và về với những người thân yêu của họ bên kia thế giới. Cũng chính những tư tưởng này đã giúp rất nhiều nhà giàu sang phú quý thực thi đức bác ái, biết dùng của cải đời này để mua lấy nước trời bằng cách chia sẻ phần nào những của cải của họ cho những người nghèo khổ và nhờ thế nhiều người bất hạnh đã có một đời sống tương đối xứng đáng với nhân phẩm hơn.

Nói đến đây tôi chợt nhớ đến câu chuyện về hành vi thiếu bác ái của một người bạn đồng nghiệp của tôi. Câu chuyện xem ra quá bình thường nhưng đã để lại một ký ức không mấy tốt đẹp cũng như đã để lại một sự hối hận suốt đời cho người bạn già của tôi. Hy vọng nó có thể giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm sống cho những ngày còn lại của chúng ta trên trần gian này.

Trong chuyến du hành sang Hy Lạp, trên con đường từ Athens đến Kalambaka, người bạn già của tôi đã kể cho tôi nghe câu chuyện của ông như sau:



Chiều hôm đó, khi đi ngang qua một làng nhỏ của người da đen trong sa mạc Sahara, như thường lệ, khi có một người khách đến, mọi người trong làng chạy ra vây bao quanh xe khách hoặc tò mò, hoặc để giành lấy những thực phẩm mà du khách thường mang theo để tặng họ, hôm đó, tôi có nhìn thấy một ông lão già đang run lập cập vì lạnh. Nói về cái lạnh trong sa mạc xem ra là khó tin nhưng thực tế là thế. Sahara thường được gọi là xứ lạnh vào đêm nhưng rất nóng dưới ánh quang mặt trời. Mặt trời lặn rồi, ông lão lạnh cóng. Bây giờ, tôi có ý nghĩ cho ông ta một trong những chiếc mền của tôi, nhưng tôi lại để tư tưởng đó qua đi vì tôi nghĩ đêm đến tôi cũng sẽ cóng lạnh như vậy. Dầu tôi lý luận: ông có thể quen với thời tiết ở đây hơn tôi, nhưng một chút bác ái trong tôi cũng đã khiến tôi suy nghĩ lần nữa, tốt hơn là cho ông ta một chiếc dẫu tôi có lạnh hơn một chút. Tuy vậy, khi tôi rời bỏ ngôi làng, những chiếc mền vẫn còn nằm nguyên vẹn trên chiếc xe của tôi. Bây giờ, lương tâm tôi bắt đầu cắn rứt.

Khi đến nơi tôi có ý định đến, tôi rào một vòng đi tìm một chỗ để yên nghỉ và tôi đã tìm được một nơi vừa ý thích. Tôi cố gắng nằm yên tựa chân lên một hòn đá lớn, nhưng rồi tôi vẫn không yên tâm được. Tôi nhớ cách đó một tháng, một người da đen đã bị nghiền nát bởi một tảng đá to rơi xuống. Nên tôi đã ngồi dậy để xem tảng đá chỗ tôi đang nằm có bảo đảm không. Tôi thấy nó không được cân bằng cho lắm nhưng không đến nỗi nguy hiểm.

Tôi lại nằm xuống. Nếu tôi kể lại điều mà tôi mơ thấy, có lẽ bạn sẽ cảm thấy lạ lùng. Điều đáng buồn cười là tôi mơ thấy tôi đang ngủ dưới một hòn đá lớn và rồi vào một lúc, tôi thấy hòn đá di động và rơi xuống trên tôi. Tôi nghe thấy tiếng xương kêu răng rắc và tôi cảm thấy mình sắp chết vì cả thân xác bị nghiền nát dưới tảng đá ấy. Nhưng tôi ngạc nhiên vì không cảm thấy mình đau đớn gì cả, chỉ có một điều là không thể cử động được. Bây giờ tôi thấy ông lão đang run rẩy trước mặt tôi. Không do dự một chút nào cả, tôi vội vàng lấy ngay một chiếc mền không

được dùng đến đang nằm đằng sau tôi để trao cho ông. Tôi cố gắng giang tay ra để đưa nó cho ông. Nhưng viên đá khổng lồ ấy khiến tôi ngay cả một cử động nhỏ cũng không thể làm được. Tôi sợ quá nên chột tỉnh giấc. Chính cơn ác mộng ấy đã giúp tôi suy nghĩ thêm và đã hiểu được luyện ngục là gì, cũng như đã hiểu được nỗi khổ đau của các linh hồn là không còn có thể làm được điều mà trước đây họ có thể và lẽ ra nên làm.

Có ai biết được bao nhiêu năm trời sau đó tôi cứ phải bị ám ảnh và ray rứt trong lương tâm mỗi khi nhìn thấy chiếc mền như một bằng chứng cho sự ích kỷ của tôi, cũng như cho sự chưa đủ trưởng thành của tôi để vào nước của Tình Yêu ?

Tôi cố gắng nghĩ đến bao lâu tôi đã phải ở dưới hòn đá ấy ? Và có sự đáp trả cho tôi rằng cho đến khi tôi có thể làm được một hành động của tình yêu trọn vẹn. Bây giờ, tôi cảm thấy mình hoàn toàn bất lực.

Tôi đưa mắt hướng nhìn đi nơi khác và tôi đã nhìn thấy những bia đá đang nằm trước mặt tôi không gì khác hơn là những nắm mồ của những người đã nằm xuống. Họ cũng vậy, cũng bị xét xử theo hành động trọn vẹn của tình yêu của họ, và giờ đây họ nằm ở đó đang mong chờ Vị Cứu Thế đến giải cứu họ trong ngày sau hết.

Hành động trọn vẹn của tình yêu là gì ? Là Chúa Giêsu đi lên đỉnh đồi Calvê để chết cho hết thảy chúng ta. Như những phần tử của nhiệm thể, chúng ta cũng sẽ được hỏi để cho thấy chúng ta có đủ tình yêu trọn vẹn ấy để theo Ngài lên đỉnh đồi Calvê không ? Sự khước từ làm những việc bác ái cho những người anh em chúng ta nói lên cho chúng ta thấy rằng chúng ta còn có cả một con đường dài nữa phải đi. Nếu chúng ta đã có thể đi qua một người anh em đang run rẩy vì lạnh, một người anh em đang gặp hoạn nạn bên vệ đường, làm cách nào chúng ta có thể dám chết đi cho những người anh em khác như Chúa đã chết đi cho hết thảy chúng ta.

Nếu chúng ta không muốn nằm lâu bất động dưới những viên đá khổng lồ đó thì bây giờ ngay khi còn sống, hãy làm những gì chúng ta có thể làm được cho những người anh em chúng ta để làm hành trang chuẩn bị sẵn sàng cho ngày Chúa gọi chúng ta lên đường về bên kia thế giới.

(Trích trong cuốn **SỨC MẠNH TÌNH YÊU** của linh mục Lê văn Quảng – Sách đã phát hành và phục vụ tại các nhà sách Công giáo)

VỀ MỤC LỤC

Phật là ai?

Lm. Minh Anh chuyển ngữ

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chỉ dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẫu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là xâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẫu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

Chủ đề : CHÂN LÝ

242. Phật là ai?

...hay trong trừu tượng...

Một môn đệ nói với thiền sư Mogen, “Khi học với vị thiền sư trước, con có hiểu đôi chút về Thiên”.

“Thế con hiểu gì nào?”, Hogen hỏi.

“Khi con hỏi thiền sư Phật là ai (qua đó, dĩ nhiên, con có ý nói Thực Tại), thì ngài trả lời ‘Ping-ting có nghĩa là lửa’”.

“Đó là một câu trả lời hay”, Hogen bảo, “Nhưng ta sợ con hiểu sai. Nói cho ta hay con hiểu những lời ấy thế nào?”.

“Dạ”, môn đệ thưa, “Ping-ting là thần lửa. cũng mâu thuẫn như bảo con hỏi Phật là ai, mà trong thực tế bản tính thật của con chính là Phật. Làm sao, dù là vô thức, một kẻ đã là Phật mà còn có thể nêu được câu hỏi liên quan đến Phật?”.

“A!” Hogen trả lời. “Đó chính là điều mà ta sợ! Con hoàn toàn không đúng. Bây giờ hãy hỏi thầy”.

“Rất tốt. Phật là ai?”

“Ping-ting là thần lửa”, Hogen đáp.

گ

243. Không thấy cái mình có

Ngày kia, Gensha vĩ đại mời một quan chức tòa án đến dùng trà. Sau khi chào hỏi theo phong tục, quan chức nói, “Tôi không muốn bỏ mất dịp may được tiếp xúc với một bậc thầy vĩ đại. Tôi xin hỏi thầy: khi người ta nói đến một điều rất quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày, vậy mà chúng ta vẫn không thấy nó?”.

Gensha trao cho vị quan chức một miếng bánh rồi rót thêm trà. Sau khi ăn bánh uống trà, quan chức lặp lại câu hỏi, vì tưởng Gensha không nghe thấy câu hỏi đầu tiên. Vị đại sư nói,

“Phải, chắc rồi. Đây là ý nghĩa của câu nói ấy: đó là người ta không thấy cái mà người ta có mọi ngày trong đời”.

Người biết thì không nói.

Người nói thì không biết.

Vì thế, người khôn thì im lặng.

Người thông minh thì nói.

Kẻ ngốc thì cãi.

Chân lý có cách thay đổi.

گ

244. Mơ hồ

Một hành khách hoàn toàn lạc lối giữa những khoang tàu của chiếc Atlantic to lớn.

Cuối cùng, anh gặp một nhân viên và nhờ tìm giúp phòng của mình.

“Thưa ông, xin cho biết số phòng của ông?”, nhân viên hỏi.

“Tôi không thể nói cho anh hay, nhưng tôi sẽ nhận ra nó ngay vì nó có một ngọn hải đăng bên ngoài khung cửa sổ”.

گ

245. Trước sau như một

THẨM PHÁN: “Anh bao nhiêu tuổi?”.

BỊ CÁO: “Thưa ông, hai mươi hai”.

THẨM PHÁN: “Đó là điều mà anh đã nói với chúng tôi mười năm qua”.

BỊ CÁO: “Đúng thế, thưa ông. Tôi không phải là loại người hôm nay nói điều này ngày mai nói điều nọ”.

گ

246. Không biết đến tuổi tác

NỮ DIỄN VIÊN ĐÚNG TUỔI: “Thực sự tôi không biết đến tuổi tác vì nó cứ thay đổi từ phút này đến phút kia”.

گ

247. Tôi là người Mỹ

...nó có thể tương đối.

Một du khách Mỹ lần đầu tiên xuất ngoại. Đến sân bay ngoại quốc đầu tiên, ông phải đối diện với sự chọn lựa giữa hai hành lang, lối này ghi NGƯỜI TRONG NƯỚC và lối kia, KHÁCH NGOẠI QUỐC.

Ông ta vội đi vào lối đầu tiên. Người ta bảo ông phải lùi lại lối kia, ông phản đối. “Nhưng tôi không phải là người ngoại quốc. Tôi là người Mỹ”.

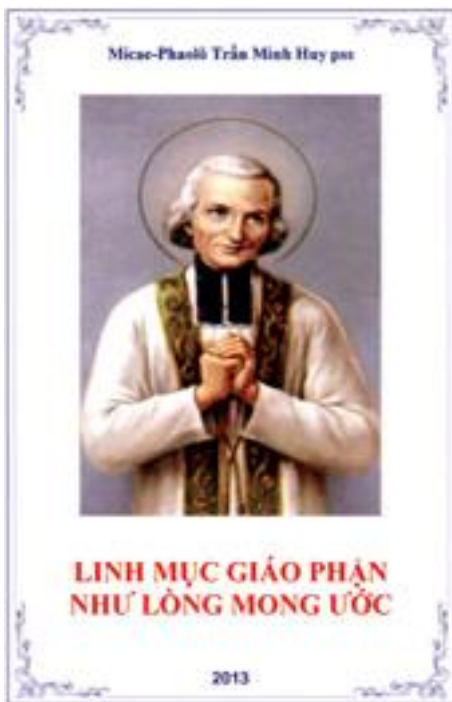
ﷲ

VỀ MỤC LỤC

TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC - BƯỚC THỨ HAI: LỜI ĐÁP TRẢ CỦA MỖI NGƯỜI

Giới thiệu tác phẩm: LINH MỤC GIÁO PHẬN NHƯ LÒNG MONG ƯỚC

Trọng kính Đức Hồng Y, Quý Đức Cha, Quý Cha, Quý Độc Giả CGVN.



Trong niềm tri ân cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho Giáo Hội Công Giáo một Vị Mục Tử Như Lòng Mong Ước Là Đức Thánh Cha Phanxico - Đứng dịp Đại Lễ Phục Sinh Năm Thánh Đức Tin 2013 - Nhà Sách Đức Mẹ (email: nsachdcct@gmail.com) thuộc Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam đã phát hành tác phẩm Linh Mục Giáo Phận Như Lòng Mong Ước do Linh mục Micae-Phaolô Trần Minh Huy, pss. biên soạn.

Tập sách rất vinh hạnh vì đã được ưu ái cấp IMPRIMATUR: bởi Đức Cha Pet. NGUYỄN VĂN ĐỆ, SDB. Giám mục Giáo phận Thái Bình. Quý Đức Tổng Phero Nguyễn Văn Nhơn, Đức Tổng Giuse Ngô Quang Kiệt, Đức Cha Anton Vũ Huy Chương vui mừng viết Lời Giới thiệu.

Sách được phục vụ tại các nhà sách Công Giáo.

Nguyện xin THIÊN CHÚA chúc phúc và trả công bội hậu cho hết thảy những ai đang nỗ lực "chắp cánh" cho Quê hương và Giáo Hội Việt Nam bay lên!

Chúng con xin chân thành cảm ơn.

BBT CGVN

BÀI 3 : Tinh Tâm Đại Chung Viện Huế 2013

TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC - BƯỚC THỨ HAI: LỜI ĐÁP TRẢ CỦA MỖI NGƯỜI

Thưa Anh Em,

Chúng ta đã quảng đại đáp lại lời mời gọi của Chúa và mong muốn được quảng đại cho đến cùng. Đây là một bước rất quan trọng, bởi vì ơn gọi “*không phải là một chọn lựa luân lý hay*

một lý tưởng cao quý, nhưng là gặp gỡ với chính Chúa Giêsu, một cuộc gặp gỡ trao ban cho cuộc sống một chân trời mới, và qua đó là một hướng đi có tính cách quyết định^[1]. Chúa luôn đổi mới lời mời gọi của Ngài qua các biến cố cuộc sống thì chúng ta cũng phải luôn đổi mới lời đáp trả của chúng ta qua các biến cố cuộc sống ấy, dù vui hay buồn, thành công hay thất bại, thánh thiện hay tội lỗi.

Và trong sự đáp trả theo Chúa này phải để ý hai yếu tố *Thích* và *Hợp*. *THÍCH* là yếu tố chủ quan và tình cảm có thể theo phong trào, nhất thời và hay thay đổi, *HỢP* là yếu tố khách quan kiên định đòi hỏi khả năng và phẩm chất để được bền vững cho đến cùng. Tự mình đánh giá mình, chúng ta có thể bị ảo tưởng và sai lầm, nên cần có người đào tạo kinh nghiệm hướng dẫn để khỏi chọn lựa sai kế hoạch của Chúa. Thích làm linh mục mà không hợp là không được, nhất là khi gặp phải trở ngại Giáo luật hay gương xấu nặng. Trái lại, dù được mọi người đánh giá là hợp mà đương sự không thích thì cũng chịu thua.

Như thế, để thẩm định lời đáp trả ơn gọi cần có sự hợp tác tích cực giữa đôi bên, các nhà đào tạo và ứng sinh, cùng với ơn Chúa. Cầu xin Chúa Thánh Thần dẫn dắt cả đôi bên đi đến một điểm chung là ơn gọi linh mục, trở nên người của Thiên Chúa và người cho con người, vì không những ứng sinh mà nhà đào tạo cũng có thể gặp phải sai lầm ngoài ý muốn. Trách nhiệm đào tạo linh mục là trách nhiệm của mọi thành phần Dân Chúa, giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân, đặc biệt là các cha xứ: *“Toàn thể cộng đồng kitô giáo có bổn phận phải cổ động các ơn gọi để đáp ứng đủ những nhu cầu thừa tác vụ thánh trong toàn thể Giáo Hội. Bổn phận này bó buộc cách riêng các gia đình, các nhà đào tạo, đặc biệt là các giáo sĩ, nhất là các cha sở... trong việc chuẩn bị thích đáng cho những người nam đứng tuổi cảm thấy mình được gọi vào thừa tác vụ thánh.”*^[2]

Người có trách nhiệm trước nhất và cao nhất trong việc tuyển chọn và đào tạo linh mục là Giám Mục giáo phận. Nhưng ngài thường ủy nhiệm cho một số nhà đào tạo đã được chuẩn bị kỹ lưỡng cộng tác với Ngài để đồng hành với các ứng sinh, tiệm tiến thẩm tra và giúp ứng sinh biện phân ý Chúa và thực thi ý Chúa (qua câu chuyện đời của anh), bảo đảm cho ứng sinh là anh được Thiên Chúa kêu gọi, và mời gọi anh tham gia vào việc tự đào tạo chính anh. Việc Giám Mục gọi ứng sinh lên chịu chức linh mục xác nhận ơn gọi đích thực của Chúa đối với anh.

Cuộc sống đức tin, nhất là đời sống ơn gọi, luôn là lối đi ngược dòng với xu hướng thời đại của nền văn minh sự chết [tục hóa, hưởng thụ vật chất và khoái lạc]. Tuy nhiên, sống trong bối cảnh xã hội như thế, chắc chắn các thanh thiếu niên nam nữ Công giáo cũng không thể không chịu ảnh hưởng, kể cả các dự tu nam nữ trong thời gian tìm hiểu ơn gọi và đi học ở ngoài xã hội, như kết quả cuộc điều tra khảo sát năm 2007 tại 30 trường ĐH-CĐ trong cả nước do Vụ Văn hóa - Ban Tư tưởng Văn hóa Trung Ương phối hợp với Vụ Công tác Học sinh Sinh viên (Bộ GD-ĐT) cho thấy *51,4% sinh viên cho rằng “sống thử trước hôn nhân là hiện tượng khá phổ biến” và được coi là “bình thường”* [x. Hiện tượng “sinh viên tâm gửi”, “tình nhà trọ” và từ đó nạn phá thai ngày càng gia tăng, cả trong giới thiếu nữ vị thành niên].^[3] Do đó, cả ứng sinh và các nhà đào tạo luôn quan tâm đến các mối liên hệ xã hội và đời sống độc thân thanh khiết của các ứng sinh trước khi nhận vào; cân nhắc thái độ của ứng sinh đối với giới tính và khả năng sống độc thân thánh hiến^[4]; đồng thời phải xem ứng sinh có ngăn trở Giáo luật nào không^[5] và kiên trì sử dụng mọi phương thế tự nhiên và siêu nhiên để gìn giữ và tự bảo vệ lấy mình, trong mọi mối tương quan để được xứng hợp theo đuổi lý tưởng ơn gọi cho đến cùng. ĐTC Phanxicô nhấn nhủ: *“Các con đừng sợ đi ngược dòng đời, khi mà những giá trị được bày ra cho chúng ta là những giá trị xấu, muốn cướp mất hy vọng của chúng ta, những giá trị được ví như những bữa ăn, khi bữa ăn không lành mạnh, nó sẽ làm hại chúng ta; những giá trị này làm hại chúng ta. Nhưng chúng ta phải đi ngược dòng đời! Và các bạn trẻ, các con phải là người đi tiên phong: “hãy đi ngược dòng đời và hãy lấy làm hãnh diện khi đi ngược dòng đời như vậy”*^[6].

Nhưng người trẻ ngày nay trưởng thành sớm về mặt sinh học,^[7] nên chuyện tình cảm yêu đương không thể tránh. Họ cần được hiểu và sống tốt nguyên vẹn cuộc đời mình trước khi đi

vào lựa chọn đời sống hôn nhân hay đời sống linh mục và tu sĩ đúng như Chúa muốn và Giáo Hội dạy. Đồng thời cũng phải thẳng thắn nhìn nhận những cản trở và chiến đấu không thể vượt qua được để lượng sức mình mà đổi hướng sớm, không cần đợi đến lúc bị phát hiện hay bị tố cáo, vì con đường linh mục hay tu sĩ không phù hợp cho họ.^[8] ĐTC Phanxicô khi còn là Hồng Y tiết lộ bí quyết sống độc thân một cách hạnh phúc của ngài: “Lúc tôi còn là một chủng sinh, tôi bị lóa mắt bởi một cô gái tại đám cưới của một ông chú. Tôi bàng hoàng trước vẻ đẹp và trí thông minh của nàng... quá đúng thế, tôi bàng hoàng một thời gian khá lâu. Tôi luôn nghĩ đến nàng không thôi. Sau đám cưới ấy, tôi trở lại chủng viện, nhưng đến cả một tuần lễ sau, tôi vẫn không cầu nguyện được, vì mỗi lần cố gắng cầu nguyện thì cô gái lại xuất hiện trong đầu tôi. Tôi phải suy nghĩ lại xem tôi đang làm gì đây. Tôi vẫn còn tự do vì mới chỉ là chủng sinh thôi, nghĩa là tôi có thể trở về gia đình, thế là xong. Nhưng tôi phải suy nghĩ về lựa chọn của mình một lần nữa. Và một lần nữa, tôi đã chọn, hay đúng hơn, tôi để mình được chọn bởi con đường tu trì. Hiện tượng này mà không xảy ra mới bị coi là chuyện bất bình thường. Và khi nó xảy ra, người ta bắt buộc phải rà lại hướng đi của mình một lần nữa. Đây là vấn đề ta phải chọn lựa lại hoặc cho rằng ‘điều tôi đang cảm xúc thật là đẹp. Tôi sợ sau này mình sẽ không trung thành với ơn gọi, do đó, nên rời chủng viện là hơn’. Nếu việc này xảy ra cho một chủng sinh, tôi thường giúp họ ra đi bằng an để trở thành một Kitô hữu tốt, chứ không thành một linh mục xấu.”

Đối với người Việt Nam chúng ta, lãnh vực tính dục rất tế nhị, nếu các nhà đào tạo không nhẫn nại lắng nghe và khả tín hầu ứng sinh dễ dàng bộc lộ sự thật, đồng thời để mình dễ bị “sốc” và có ngay biện pháp thì khiến ứng sinh lo sợ và co mình lại hoặc nói dối, kéo một lần đã nói dối thì họ sẽ có khuynh hướng nói dối mãi, dù biết rằng sẽ phải trả giá rất đắt khi lời nói dối bị vạch trần.^[9] Vì thế, thật hữu ích việc ứng sinh được biết rõ và tự mình có trách nhiệm đối mặt với những gì đã xảy ra cho mình và giải quyết chúng, với sự giúp đỡ của các nhà đào tạo, nhất là vị linh hướng. Có thể thì sự chọn lựa đời sống linh mục hay tu sĩ có hướng dứt khoát sớm, để tiến trình đào tạo và tự đào tạo được thanh thản và hiệu quả. Nếu chỉ là chuyện tình cảm và tình yêu thì nên dần dần chấm dứt đi, một khi đã chọn lựa đời tu. Nếu lỡ có chi hơn thế mà không đến nỗi mắc ngăn trở Giáo Luật thì càng phải cương quyết chấm dứt, triệt để biến đổi lật sang trang đời mới, không nuôi dưỡng đèo bồng du đưa nữa. Kể cả hai bên đều cùng đi tu thì phải biến đổi và thăng hoa nó lên, để tránh những hệ lụy “người xưa cảnh cũ” sau này. Tốt nhất là không nên tìm cơ hội gặp gỡ riêng tư với người tình cũ. Nhớ tiến trình con cóc tiến hóa “*đứt đuôi nòng nọc*.”^[10]

Và dù có nói là quyết tâm lật sang trang đời mới thì cũng cần có đủ thời gian để ứng sinh trải nghiệm chính mình là mình có thể kiên trì làm được điều đó; đồng thời người có trách nhiệm có đủ dữ kiện để an tâm chứng nhận rằng ứng sinh đã thực sự đổi mới và kiên trì tiến bước được trên đường ơn gọi. Giáo Hội đã quá đau khổ, bị thiệt hại vì chuyện này và đang nỗ lực nghiêm khắc chấn chỉnh ngay từ bước tuyển lựa và đào tạo đầu tiên.^[11] Đã là con người thì ai cũng có những nhu cầu và ham muốn tự nhiên cần phải chiến đấu, nhưng tội nghiệp cho những ai “*bén mùi chùi chảnh sạch*” sẽ phải chiến đấu nặng nề hơn. Tuy nhiên, nếu cứ phải chiến đấu quá nặng nề và quá dai dẳng thì không nên tiếp tục, vì sẽ khổ cho mình và cho nhiều người khác sau này, thiệt hại cho công cuộc dưỡng giáo và truyền giáo của Giáo Hội.^[12] Chuyện gì làm riêng tư một mình thì có Chúa biết. Nhưng chuyện gì làm giữa hai người thì rồi ra người khác cũng sẽ biết, không biết được hôm nay thì mai kia cũng sẽ biết. Có thể họ đã biết rồi mà vì nhân đạo, họ không nói hoặc chưa nói đó thôi. Ứng sinh nên nhớ rằng những người thương mình và bảo vệ Giáo Hội sẽ không chấp nhận thái độ nước đôi đó đâu, họ sẽ can thiệp để ngăn chặn. Những người ghét mình hay gia đình mình sớm muộn gì cũng sẽ tố cáo.^[13] Và ngay chính do người con gái ấy mà sự việc sẽ bị bại lộ: Nàng có thể chấp nhận mất người yêu cho Chúa và Giáo Hội, chứ không chịu mất trong tay một hay nhiều cô gái khác; và rồi chính nàng sẽ làm ra chuyện, vì muốn dành lại cho mình hoặc “*không ăn được thì đập đổ!*” Nếu cả đôi bên đều cùng đi tu thì tới một lúc nào đó lượng tâm thức tình, bên nữ sẽ bộc bạch hết với người có trách nhiệm và bạn thân thiết, dù có dặn nhau “*sống để dạ thác mang theo,*” hoặc

biểu lộ ra qua thái độ muốn chiếm hữu – ghen tuông – độc quyền, khiến người khác thất vọng tìm hiểu mà bị bại lộ.

Để có được mối tương quan tốt, hài hòa, quân bình và trưởng thành với cả hai phái, nhất là với phái nữ, những người có kinh nghiệm đưa ra năm điểm thiết yếu phải giữ trong các cuộc gặp gỡ: Nơi chốn – Thời gian và thời lượng – Khoảng cách thể lý và tâm lý – Sự có mặt của những người thứ ba – Ý thức sự hiện diện khuất ẩn nhưng rất thực của Chúa.

Nếu thiếu tính tự giác tự nguyện đổi hướng về phía ứng sinh, thì ứng sinh nào bị phát hiện là không thích hợp, và có những ngăn trở theo Giáo luật hoặc thiếu tinh thần phục thiện và cố tình dối trá, thì nên mạnh dạn và nhanh chóng đưa đương sự ra khỏi con đường theo đuổi ơn gọi. Cả hai phía, các nhà đào tạo lẫn ứng sinh, không được phép nuôi dưỡng những hy vọng hảo huyền và những ảo tưởng nguy hiểm, dù biết rằng *mỗi vị thánh đều có một quá khứ và mỗi tội nhân đều có một tương lai*.

Ngoài ra, các ứng sinh cần được biết rõ những khoản Giáo Luật liên quan. Không nên để quá muộn khiến tiến thoái lưỡng nan, thiệt hại cho Giáo Hội lẫn cho đương sự.

- GL 1024 và 1033: Chỉ có người nam nào đã lãnh nhận Bí tích Rửa Tội và Thêm Sức rồi mới được lãnh nhận chức thánh cách thành sự và hợp pháp.

- GL 1025: Phải trải qua một thời gian thử thách, hội đủ những đức tính thích hợp, không bị điều bất hợp luật và ngăn trở nào, đủ các giấy tờ cần thiết, và phải được điều tra kỹ lưỡng (x. GL 1051)

- GL 1026: Đương sự phải được tự do hoàn toàn, tuyệt đối không được cưỡng bách bằng bất cứ cách nào và vì bất cứ lý do gì, cũng không được ngăn cản người đủ khả năng xứng hợp theo Giáo luật.

- GL 1029: Chỉ nên cho tiến chức những ứng sinh có đức tin tinh tuyền, ý hướng ngay lành, kiến thức cần thiết, danh thơm tiếng tốt, đức hạnh vẹn toàn, nhân đức vững vàng, các đức tính về thể lý và tâm lý phù hợp với chức thánh sẽ lãnh nhận.

- GL 1036-1037: Ứng viên phải đệ trình một bản tuyên bố do chính tay mình viết và ký tên xác nhận mình tự nguyện và tự do xin được chịu chức và sẽ vĩnh viễn dấn thân cho thừa tác vụ của Giáo Hội, đã công khai đảm nhận nghĩa vụ sống độc thân trước Thiên Chúa và Giáo Hội.

- GL 1041: Những bất hợp luật không được chịu chức:

- điên khùng/bệnh tâm thần, không đủ năng lực chu toàn thừa tác vụ;
- bội giáo, lạc giáo hay ly giáo;
- mưu toan kết hôn, dù chỉ là hôn nhân dân sự;
- tội sát nhân, phá thai có hiệu quả, hay tích cực cộng tác vào;
- chủ tâm hủy hoại thân thể mình hay kẻ khác, đã mưu toan tự vẫn;
- đã thực hiện một hành vi thuộc bí tích truyền chức [vd. ngồi vào tòa giải tội nghe xưng tội...].

- GL 1043: Buộc tín hữu phải trình báo với Bản quyền về người có những ngăn trở để nhận lãnh chức thánh.

- GL 1045: Dù không biết là có những điều bất hợp luật và những ngăn trở thì vẫn bị mắc những điều ấy.

- GL 1051: Phải điều tra theo các phương thế hữu ích tùy hoàn cảnh mỗi thời và mỗi nơi.

Ngoài ra cũng phải xét đến một vấn đề rất quan trọng là vấn đề đồng tính luyến ái (sẽ được nói rõ vào một dịp khác).

Ứng sinh cũng cần có một cam kết khởi đầu (bằng viết tay) về ý ngay lành và tính trung thực của việc theo đuổi ơn gọi, liên quan đến bối cảnh gia đình “xét như chủng viện đầu tiên,”^[14] những điều kiện bên ngoài, những điều kiện tự nhiên và những điều kiện thiêng liêng. Ứng sinh cũng được yêu cầu trải qua một cuộc kiểm tra sức khỏe tổng quát và trắc nghiệm tâm lý; lãnh vực đời sống tình cảm/tính dục cũng cần được khảo sát và chữa lành hầu đạt được sự ổn định cần thiết cho đời sống linh mục mai ngày; những gánh nặng nội tâm cần được tháo gỡ và giải quyết nhờ sự trợ giúp của các nhà đào tạo, nhất là vị linh hướng.^[15]

- GL 239,2: Mỗi chủng viện phải có ít nhất một vị linh hướng và những tư tế khác được Giám Mục chỉ định vào nhiệm vụ giải tội/linh hướng. Xuân Bích có ưu điểm trong vấn đề này.

- GL 240,2: Không bao giờ được hỏi ý kiến của vị linh hướng hay cha giải tội trong việc cho chủng sinh tiến chức hoặc sa thải.

- GL 246, 4: Ứng sinh phải thường xuyên lãnh nhận bí tích sám hối và tự do chọn lựa cho mình một vị linh hướng để có thể tin tưởng bày tỏ lương tâm. Việc linh hướng thuộc bí mật tòa trong như án tòa giải tội, trong mối tương quan khép kín tay ba (Chúa Thánh Thần, ứng sinh và vị linh hướng)

Điều mà vị linh hướng khám phá về người thụ hướng ở tòa trong sẽ không được tiết lộ ra ở tòa ngoài. Điều này không những để bảo vệ người thụ hướng, mà còn cống hiến cho anh sự tín nhiệm và tin tưởng rằng điều gì anh đã bộc lộ ở tòa trong vẫn được giữ bí mật. Chính niềm tín nhiệm và bảo đảm này mang lại sự chữa lành tận gốc. Ngay trong tai họa lạm dụng tình dục trẻ em khiến lập trường Giáo Hội trở nên cứng rắn hơn và yêu cầu tích cực hợp tác với thẩm quyền dân sự thì án tòa giải tội vẫn phải được tuyệt đối tuân giữ, cha giải tội không được tố cáo vị linh mục xưng thú phạm tội ấu dâm.^[16]

Tóm lại, việc chuẩn bị các ứng sinh thích hợp là nhiệm vụ hàng đầu của cộng đoàn Giáo phận, mà trên hết là của Giám Mục Bản Quyền và những người Ngài tin tưởng ủy thác cho công cuộc tối quan trọng này. Sự chuẩn bị nhắm đến việc tiếp nhận các ứng sinh vào chủng viện, qua việc phân định, nhận xét, đánh giá, tuyển chọn và khai tâm họ đi vào sự cam kết khởi đầu tiến trình tự biến đổi và cam kết với sứ vụ.^[17] Việc đào tạo ở chủng viện tùy thuộc phẩm chất của các ứng sinh đã được nhận vào. Phẩm chất của đầu vào quyết định phẩm chất của đầu ra: bảy, tám năm xem vậy mà ngắn lắm anh em ơi!

Nhưng cái gì có thể xảy ra khi chúng ta khám phá ra rằng chúng ta không thích hợp? Thừa hoặc là phải rời chủng viện, hoặc là phải thích nghi, uốn nắn chính bản thân và nỗ lực hội nhập. Sự việc ấy đôi khi gây ra cảm giác khó chịu và cũng gây nên những khó khăn, vì không phải lúc nào cũng có thể nhận ra ngay tác động của Chúa Thánh Thần. Về lòng chân thật trong ơn gọi, tôi xin kể hầu anh em câu chuyện “Nhà vua chọn người kế vị”: Một vị vua kia thật hiền, hết lòng yêu thương lo cho dân cho nước, nhưng chẳng may Chúa không cho sinh con nối dòng. Vua lên kế hoạch chọn người kế vị trong hàng con cháu của hoàng thân quốc thích. Vua giao cho mỗi người một hạt giống, chủng loại khác nhau, để chăm bón thành cây kiềng, hên ba năm sau mở cuộc thi do cả triều đình chấm, dưới sự chủ tọa của chính vua. Đến hên, các công tử của hoàng thân quốc thích đua nhau mang thành quả của mình đến dự thi. Có nhiều chậu kiềng tuyệt đẹp và quý giá, ai cũng trầm trồ khen ngợi, được xếp hạng tiến dẫn trước, và các chủ

nhân hơn hờ nắm chắc phần thắng. Cuối rốt là một công tử trẻ tuổi bê một chậu đất không cây dâng lên, khóc tức tưởi. Vua đích thân thăm vấn. Cậu nghẹn ngào thưa: “Con đã làm hết mọi cách chăm bón hằng ngày, che mưa che nắng, liệu đủ nước đủ phân, khí trời âm dương... nhưng hạt giống của con vẫn không mọc, con không hiểu tại sao. Con thành thật xin lỗi vua, vì đã làm vua thất vọng, con xin nhận thất bại của con.” Vua ôm chầm lấy chàng trai và tuyên bố đã tìm được người kế vị. Vua giải thích: “Tất cả mọi hạt giống vua giao đều đã luộc chín hết rồi, không thể nào mọc thành cây được. Chỉ công tử này là thật thà, ngay chính và trung thành, xứng đáng để ta truyền ngôi trị nước, chăm lo cho dân. Các công tử khác tuy đã thay hạt giống thật vua giao, nhưng cũng hết lòng chăm bón, ta không bắt tội, triều đình sẽ tùy theo tài năng đức độ của mỗi người mà cất đặt. Mỗi người chúng ta tự nghĩ và tự trả lời trong thình lịnh về ý ngay lành và lòng chân thật của mình khi theo đuổi ơn gọi linh mục.

Tôi xin kết thúc bài chia sẻ này với lời nhắn nhủ của ĐTC Biển Đức XVI với các chủng sinh ngày 20/8/2011: “*Được khích lệ bởi những người đào tạo các con, các con hãy mở tâm hồn cho ánh sáng của Chúa để xem liệu con đường này, một con đường đòi hỏi lòng can đảm và tính xác thực, có phải là con đường của các con không, và chỉ tiến tới thiên chức linh mục nếu các con chắc chắn xác tín rằng Thiên Chúa kêu gọi các con trở thành các thừa tác viên của Ngài và hoàn toàn quyết định thực thi thừa tác vụ này trong sự vâng phục những quy định của Giáo Hội.*” Nữ Vương ban sự bằng an – Cầu cho chúng con. Amen.

[1] ĐGH Biển Đức XVI, Deus Caritas Est, số 1.

[2] x. GL 233.

[3] Việc quan hệ tình dục trước khi kết hôn, tức là ngoài hôn nhân, là hành vi xúc phạm tới giới răn thứ sáu, là tội gian dâm. Tội này trái nghịch cách nghiêm trọng với nhân phẩm và tính dục của con người. Ngoài ra, nó còn liên quan tới một người khác nữa và cũng có thể là một gương xấu công khai nghiêm trọng khi làm bằng hoại giới trẻ (xem GLCG 2353).

[4] Bộ GDCG, Chỉ dẫn việc huấn luyện độc thân linh mục tr.7-75.

[5] GL 1024-1052.

[6] Trích huấn từ buổi tiếp kiến chung ngày 23/6/2013.

[7] Theo Health Times và China Daily, Bộ Y tế Trung quốc cho biết sữa bột của công ty Synutra của Trung quốc có chứa hormone sinh dục cao hơn mức bình thường ở người lớn kích thích gây dậy thì sớm ở trẻ 4-15 tháng tuổi.

[8] Xin xem Ephesô 2,1-10.

[9] Vì muốn việc thanh lọc được nghiêm túc dựa vào lương tâm ửng sinh và tính cách thánh thiêng, một số ửng sinh bị buộc đặt tay trên Phúc Âm thề nói sự thật và vì sợ bị loại nên đã thề gian. Cần xem lại đường lối sự phạm và nhắc ửng sinh biết có thể dối người chứ không dối được Chúa và lương tâm mình đâu.

[10] Con cóc đẻ trứng dưới nước, nở ra nòng nọc. Khi nòng nọc biến thái, đứt đuôi thành cóc thì lên sống trên khô. Cóc không xuống sống dưới nước, nếu lỡ bị rơi hay bị ném xuống nước, cóc sẽ vội vả tìm cách lên khô. Sự đứt khoát đoạn tuyệt với các tình huống tình cũ cũng phải như thế.

[11] Theo CWNews 26.03.2010, ĐGH Biển-Đức XVI đã rất kiên quyết và dứt khoát trong việc xử lý những trường hợp lạm dụng tính dục.

[12] Hỏi Chúa nhưng ứng sinh trả lời cho chính mình: “Chúa có muốn con làm linh mục không? Nếu con làm linh mục, có gì nguy hại cho con, cho người khác và cho Giáo Hội không?”

[13] GL 1043: Buộc tín hữu phải trình báo với Bản quyền về người có những ngăn trở để nhận lãnh chức thánh.

[14] Optatam Totius số 21.

[15] GL 239,2; 240,2; 246,4; FABC, 7th Plenary Assembly, Spiritual Direction.

[16] Xem CWNews 18.03.2010: Một giới chức Vatican nhắc nhở các độc giả tờ Osservatore Romano: Nếu một linh mục thú nhận lạm dụng các trẻ em trong một lần đến bí tích thống hối, thì cha giải tội không được tố cáo vụ lạm dụng ấy cho các thẩm quyền hợp pháp. ĐGM Gianfranco Girotti, một giới chức của Toà Ân Giải, nhấn mạnh rằng án toà trong là tuyệt đối. Cha giải tội không được làm bất cứ điều gì dựa trên những lời thú tội của hối nhân hoặc tiết lộ những tội đã được xưng ra cho bất kỳ người nào. Ngài nói: “Việc duy nhất toà giải tội có thể làm là xá tội”. Lời chỉ trích các giám mục Công giáo về việc xử lý và giải quyết các linh mục lạm dụng tập trung vào những trường hợp trong đó những phát hiện lạm dụng là ở ngoài toà giải tội – hoặc qua những khiếu nại từ các nạn nhân hoặc qua những lời thú nhận do các linh mục trong những phỏng vấn hành chính.

[17] x. GL 241.

VỀ MỤC LỤC

THỰC PHẨM “HỮU CƠ”

Người viết có một gia đình thân hữu rất lưu tâm tới vấn đề sức khỏe qua việc ăn uống. Nước dùng trong nhà phải được chưng cất. Thực phẩm phải năm màu thuộc loại chứng nhận là “Organic Foods”. Cứ như vậy từ nhiều chục năm nay và anh bạn rất vui vẻ khoe rằng cả gia đình chưa bị đau ốm bao giờ.

Bèn hỏi thăm anh bạn để tìm hiểu thêm về vấn đề Organic Foods và được giải thích như sau.

Thực phẩm hữu cơ (Organic Food), còn được gọi là Thực Phẩm Tự Nhiên (Natural food) hoặc Thực Phẩm Lành Mạnh (Health food). Cách đây mười năm, loại thực phẩm này chưa phổ biến và thường chỉ được bán ở các tiệm Health Food

Lịch sử của Thực phẩm hữu cơ

Theo J.I. Rodale, cha đẻ của trồng trọt bằng chất hữu cơ ở Mỹ thì thực phẩm hữu cơ là nông sản không dùng thuốc trừ sâu bọ và phân bón hóa học.

Với Bộ Canh Nông Hoa kỳ thì nông sản hữu cơ là do nuôi trồng mà không dùng hoặc dùng rất ít chất bón tổng hợp, thuốc trừ sâu bọ, chất điều chỉnh sự tăng trưởng và thức ăn phụ thêm cho gia súc. Để cây tăng trưởng, người ta dùng phân bón làm từ chất phế thải của động vật, thực vật thối rữa hoặc khoáng chất thiên nhiên.

Thực ra, dù hội đủ các điều kiện trên, thực phẩm hữu cơ thế nào cũng vẫn có lẫn một ít thuốc trừ sâu bọ lan sang từ vùng đất lân cận hoặc sót lại trên đất đó từ trước.

An toàn và phẩm chất của thực phẩm hữu cơ.

Câu hỏi thường được nêu ra là các thực phẩm này có tốt lành hơn thực phẩm nuôi trồng bằng hóa chất.

Ý kiến nhà sản xuất

Với các nhà sản xuất, hữu cơ nông nghiệp áp dụng các phương tiện hoàn toàn thiên nhiên để đẩy mạnh sự đa dạng sinh thái, chu kỳ sinh học, làm đất phì nhiêu nhờ tác dụng của các sinh vật. Họ dùng rất ít thuốc trừ sâu bọ, kháng sinh, kích thích tố tổng hợp trong việc nuôi trồng.

Khi dùng quá nhiều kháng sinh để gia súc mau lớn thì sẽ đưa đến sự quen nhờn của vi khuẩn với thuốc ở con người. Gia súc hữu cơ chỉ dùng kháng sinh khi nào chúng bị bệnh.

Kích thích tố tăng trưởng cũng thường được dùng để súc vật mau lớn và như vậy sẽ có ảnh hưởng không tốt cho người tiêu thụ. Hữu cơ không dùng thuốc mau lớn này. Hữu cơ cũng không dùng phương pháp ghép chuyển gen vì chưa có gì để bảo đảm sự an toàn của lối canh tác này.

Giới sản xuất quảng cáo

- rằng thức ăn của họ có phẩm chất tốt hơn loại nuôi trồng bằng chất tổng hợp và rất an toàn;

- rằng sản phẩm được chứng nhận hữu cơ đã hội đủ các tiêu chuẩn về nuôi trồng, chuyên trở, không có hóa chất độc hại;

- rằng thực phẩm hữu cơ có hương vị thơm ngon hơn vì hoàn toàn tạo ra do sự phối hợp của các yếu tố thiên nhiên.

Nhưng cũng có ý kiến khác.

Ý kiến khoa học gia và giới tiêu thụ

Theo Sir John Krebs, Chủ tịch Food Standard Agency, chưa có chứng cứ khoa học nào chứng minh thực phẩm hữu cơ an toàn hơn, dinh dưỡng hơn thực phẩm nuôi trồng bằng hóa chất. Cơ quan French Food Safety, cơ quan Thực Phẩm Thụy Điển cũng đồng ý như vậy.

Tường trình của Hội Consumer Association trên tạp chí "*Which?*" vào tháng 5 năm 2003 kết luận là các báo cáo về sự liên hệ giữa thực phẩm hữu cơ với ích lợi cho sức khỏe đều chưa thống nhất và cần được tiếp tục nghiên cứu.

Các nghiên cứu tại Michigan Experiment Station trong 10 năm, ở United States Plant, Soil and Nutrition Laboratory, New York trong 25 năm và mấy năm nghiên cứu bên Anh đều cho là không có gì khác biệt giữa hai loại. Theo các nghiên cứu này, điều kiện chăm nuôi, thời gian sử dụng có thể đưa tới hương vị khác nhau. Chất dinh dưỡng như đạm, sinh tố, chất béo, khoáng trong cây trái là do hạt giống, thời tiết, mùa hái lượm quyết định phần lớn. Rồi lại còn thay đổi giá trị dinh dưỡng vì chuyên chở gần xa.

Theo nhiều người thì thực phẩm nuôi dưỡng bằng chất hữu cơ hoặc hóa chất đều có giá trị dinh dưỡng như nhau. Phân bón nào cũng sửa soạn đất tốt cho cây. Mà cây thì cũng chẳng phân biệt được là hữu cơ hay tổng hợp, cứ thấy có là dùng. Súc vật cũng vậy, thấy có thức ăn là cứ vô tư mà ăn.

Thêm vào đó, rất khó mà so sánh mức độ dinh dưỡng của hai thực phẩm vì còn nhiều yếu tố khác như thời tiết, ánh nắng mặt trời, mưa gió, loại đất, di truyền ảnh hưởng tới tăng trưởng và chất dinh dưỡng của cây. Các ảnh hưởng này có lẽ cũng quan trọng như là phân bón.

Chính quyền với thực phẩm hữu cơ

Ngày nay, đi chợ vào khu hàng bán đồ ăn, ta thấy có những món được dán nhãn hiệu “Certified Organic Foods”-“Chúng nhận thực phẩm hữu cơ”.

Tại Hoa Kỳ, trước năm 1998, mỗi tiểu bang tự đặt ra quy luật kiểm soát thực phẩm hữu cơ. Đến năm 1998, đạo luật Organic Food Production Act ra đời. Chính phủ liên bang bắt đầu đưa ra những tiêu chuẩn và thực phẩm được bày bán như Organic Food phải được Bộ Canh Nông chứng thực.

Theo luật này, để được coi là organic, sản phẩm đó phải có ít nhất 50% thành phần là do hữu cơ tạo ra và không được có các chất thêm như nitrate, nitrites, sulfites

Kể từ 21/10/2002 nhãn hiệu chứng nhận Organic product đã xuất hiện trên một số thực phẩm. Nhãn hiệu được ghi theo nhiều thứ bậc khác nhau:

- Nhãn “100% Organic” chỉ các thực phẩm không chứa một tí chất thêm nào;
- Nhãn “Organic” là cho thực phẩm có trên 95% chất hữu cơ;
- Nhãn “ Made with Organic Ingredients ” chỉ món hàng có ít nhất 70% chất hữu cơ và không được có một chút sulfites nào;
- Nhãn “Some organic ingredients” khi có dưới 70% chất hữu cơ.

Nhà sản xuất không được quảng cáo Organic nếu họ dùng hóa chất trong 3 năm trước khi thu hoạch. Vi phạm quy luật sẽ bị phạt vạ tới 10 000 mỹ kim cho mỗi lần vi phạm.

Trước khi được công nhận là “Organic”, chính quyền sẽ thanh tra nông trại coi xem sản phẩm và phương thức nuôi trồng có hội đủ các tiêu chuẩn đã đề ra không.

Kết luận

Là giới tiêu thụ, ta có quyền đòi hỏi được cung cấp thức ăn an toàn, bổ dưỡng. Vì thực phẩm xấu có thể là nguy cơ gây ra một số bệnh về ung thư, tim mạch.

Theo ý kiến chung, tất cả thực phẩm đều ăn được và đều tốt cho sức khỏe con người, nếu biết cách dùng, dù là trồng bằng phân xanh hay phân hóa học.

Thực phẩm hữu cơ có một số lợi điểm như sau:

- * Có thể có ít thuốc trừ sâu bọ hoặc hóa chất khác.
- * Thịt động vật được nuôi trong môi trường thiên nhiên gần với con người hơn;
- * Thịt không có kháng sinh hoặc kích thích tố;

Nhưng chúng cũng có một số trở ngại:

- * Giá tiền cao hơn thực phẩm thường;
- * Dễ hư hao và dễ nhiễm trùng;
- * Thực phẩm nhất là rau trái khi còn tươi nom kém hấp dẫn, nhỏ con;
- * Thu hoạch mùa màng thường ít hơn và sự chăm sóc cũng công phu hơn.

Người mình vẫn thấy rằng rau bón hóa chất mọc nhanh, mạnh, nom rất đẹp nhưng ăn thấy nhạt nhẽo, không hương vị.

Gia súc “chạy bộ” thả tự do ăn sâu bọ thì ngon, ngọt hơn và thịt không bở như gà vịt được thổi lớn bằng hóa chất, kháng sinh.

...Trong một chuyến xe đò về Hậu Giang, người viết nghe câu chuyện một cậu con điện thoại cho bà mẹ “Mẹ ơi mua rau muống luộc cho con ăn tối nay nhé. Mà mua thứ lá có sâu đấy. Mấy thứ kia có nhiều phân hóa chất, ăn độc lắm mẹ ạ”.

Chả là ở bên mình, nông dân dùng phân hóa học vô tội vạ. Vì không được hướng dẫn tường tận về cách dùng cũng như về các rủi ro gây ra do hóa chất.

Thật quá nhiều rủi ro cho dân mình!!

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Vài hàng giới thiệu : Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

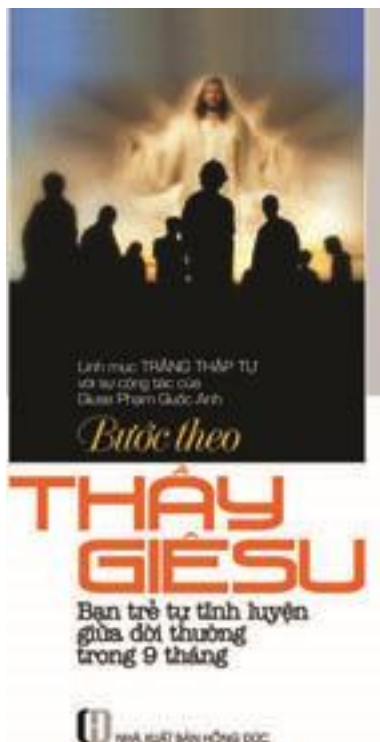
<http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

VỀ MỤC LỤC

GIẢI VIẾT VĂN ĐƯỜNG TRƯỜNG 2014 – BẢN TIN 01

Thưa quý độc giả và quý tác giả,

Nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình của các trang truyền thông Công giáo, cuộc thi Giải Viết Văn Đường Trường lần thứ 2 (2014) được biết đến khá rộng rãi, hứa hẹn sẽ có nhiều tác giả tham gia. Tới nay đã có 10 tác giả gửi bài về. Để các giám khảo không bị quá tải vào những tháng cuối, chúng tôi ước mong các tác giả gửi bài về càng sớm càng tốt.



Theo hướng ấy, ban tổ chức sẽ dành một món quà nhỏ cho những vị gửi bài về trước ngày 31-12-2013. Món quà nhỏ này là quyển BƯỚC THEO THẦY GIÊSU, của Lm Trăng Thập Tự, được biên soạn để giúp các bạn trẻ tự đào sâu kinh nghiệm gặp Chúa dưới ơn tác động của Chúa Thánh Thần, qua lộ trình 9 tháng tự luyện. Hy vọng những kinh nghiệm trong quyển này vừa giúp người đọc tiến bước trên đường tâm linh vừa nhận được nhiều cảm hứng và đề tài sáng tác.

Về bản thể lệ cuộc thi 2014, xin mời xem tại:

<http://gpquinhon.org/qn/news/viet-van/>

Kính chúc quý độc giả và quý tác giả luôn an vui và đầy tràn ơn phước.

Qui Nhơn, 30-11-2013

Lm Trăng Thập Tự

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc "Trợ lực Giáo sĩ" bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những "Linh mục" không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA